



Mã nhận dạng 00604

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK			7,9	7,5	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
2	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC			6,6	3,5	4,5	4,3	0012345678910	0123456789
3	17118028	Nguyễn Trần Minh Duy	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
4	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			6,9	6,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
5	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
6	15118020	Huỳnh Văn Đức	DH15CK			7,4	6,5	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
7	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
8	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			7,9	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
9	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			8,0	8,0	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
10	15118045	Du Đức Anh Khoa	DH15CK			7,4	7,0	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
11	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC		✓					0012345678910	0123456789
12	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK			7,2	5,0	3,0	4,2	0012345678910	0123456789
13	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
14	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
15	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK			7,6	7,5	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
16	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
17	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			6,1	6,5	8,5	7,5	0012345678910	0123456789
18	17118072	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			7,1	5,5	7,5	6,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK			8,0	8,0	9,0	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK			6,8	3,0	3,0	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC			7,1	5,0	5,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	15118088	Trần Hữu Sơn	DH15CK			6,6	3,0	4,2	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			7,9	7,0	6,5	6,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	17118102	Lê Tấn Phú	DH17CK			7,4	4,5	6,0	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			7,2	7,0	5,7	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	17118106	Đặng Đình Thiện	DH17CK			8,0	5,5	6,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			7,6	5,0	5,8	5,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	17118112	Lý Thanh Thuận	DH17CK			7,1	6,0	6,0	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK		✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			6,3	6,5	7,5	7,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK			7,1	7,0	8,0	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK			7,4	5,0	5,0	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15118133	Đặng Hoàng Vũ	DH15CK			7,9	6,0	6,5	6,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			8,0	7,0	6,0	6,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	17118142	Võ Tấn Vũ	DH17CK			7,8	7,5	7,5	7,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Tấn Vũ


Nguyễn Thị Kiều Hạnh


Nguyễn Quang Trung

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			6,0	7,0	7,0	6,9	0012345678910	0123456789
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			7,0	6,0	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
3	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			8,0	6,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
4	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK			5,0	3,0	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
5	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK			8,0	7,5	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
6	14118108	Trần Văn Bốn	DH14CK			4,0	4,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
7	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC			8,0	6,0	6,0	6,2	0012345678910	0123456789
8	17118015	Đặng Ái Cường	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
9	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			8,0	7,0	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
10	17118024	Lê Văn Dự	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
11	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC		✓					0012345678910	0123456789
12	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
13	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
14	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
15	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK			8,0	7,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
16	14118190	Huỳnh Công Lân	DH14CK		✓					0012345678910	0123456789
17	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC			8,0	7,0	3,0	5,1	0012345678910	0123456789
18	17118063	Trần Phương Nam	DH17CK			7,0	5,5	5,0	5,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 05

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 10 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK		✓	7				0012345678910	0123456789
20	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK	Nguyễn		7,0	4,5	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
21	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK	Phi		8,0	3,5	4,0	4,2	0012345678910	0123456789
22	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
23	14118050	Nguyễn Thành Phong	DH14CK		✓					0012345678910	0123456789
24	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
25	17118101	Vũ Trung Thành	DH17CK	Thành		7,0	6,0	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
26	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
27	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
28	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK	Thịnh		7,0	4,0	5,0	4,8	0012345678910	0123456789
29	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC		✓					0012345678910	0123456789
30	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
31	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK	Hoàng		7,0	7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
32	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK	Tín		7,0	7,0	8,0	7,5	0012345678910	0123456789
33	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK		✓					0012345678910	0123456789
34	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK	Trung		7,0	6,0	7,5	6,9	0012345678910	0123456789
35	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC	Bước		7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
36	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK	Việt		8,0	6,5	6,0	6,4	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 05

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	--------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	------------------	------------

Số lượng vắng:

Hiện diện:

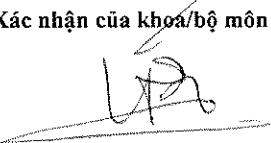
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

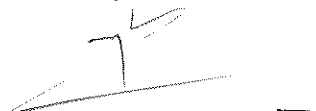
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Văn Tiến


Nguyễn Thị Kiều Hạnh


Phòng Quang Tuấn



Mã nhận dạng 00606

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 06

CBGD: Nguyễn Thị Kiều Hạnh (267)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 40 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành Biên	DH17CKC	Biên		8,0	7,5	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
2	17118157	Nguyễn Thành Đô	DH17CKC	Đô		4,0	5,0	5,0	4,9	0012345678910	0123456789
3	17118160	Trần Á Đông	DH17CKC	Đông		7,6	2,0	5,0	4,1	0012345678910	0123456789
4	17118158	Đặng Thành Hiếu	DH17CKC	Hiếu		4,6	7,0	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
5	17118162	Lê Trung Hiếu	DH17CKC		✓					0012345678910	0123456789
6	17118164	Lê Gia Hoàng	DH17CKC		✓					0012345678910	0123456789
7	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC	Hoàng		5,6	8,0	9,0	8,3	0012345678910	0123456789
8	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC	Huy		5,6	3,5	6,5	5,2	0012345678910	0123456789
9	17118167	Huỳnh Văn Khang	DH17CKC		✓					0012345678910	0123456789
10	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC	Minh		4,7	7,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
11	17118146	Lê Nguyễn Mai Phương	DH17CKC	Phương		5,3	5,0	6,0	5,5	0012345678910	0123456789
12	17118149	Phạm Nguyễn Minh Tiến	DH17CKC	Tiến		7,1	2,0	3,0	3,0	0012345678910	0123456789
13	17118152	Lâm Gia Tuấn	DH17CKC		✓					0012345678910	0123456789
14	17118150	Nguyễn Thái Vi	DH17CKC	Vi		7,3	3,0	5,0	4,4	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ngày in : 25/10/2019 14:04

TS. Vũ Thị Tiên Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Trương Quang Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154021	Nguyễn Trung	Hậu	DH15OT	<i>Lpau</i>	4,5	6,5	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
2	17137020	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17NL	<i>Hu</i>	9	6,2	4,3	4,4	0012345678910	0123456789
3	16137033	Nguyễn Quốc	Học	DH16NL	<i>huc</i>	6,3	5,0	4,0	4,5	0012345678910	0123456789
4	19154065	Diệp Vĩ	Khang	DH19OT	<i>Bha</i>	9,0	5,9	3,3	4,7	0012345678910	0123456789
5	19154066	Đoàn Duy	Khang	DH19OT	<i>Ba</i>	9,0	6,7	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
6	19154078	Đoàn Thế	Kiệt	DH19OT	<i>Kiet</i>	9,0	6,8	3,8	5,2	0012345678910	0123456789
7	19154082	Đặng Quang	Lâm	DH19OT	<i>lu</i>	4,5	4,9	5,3	5,1	0012345678910	0123456789
8	19154086	Hoàng Gia	Linh	DH19OT						0012345678910	0123456789
9	19154090	Trịnh Đình Vũ	Long	DH19OT	<i>Long</i>	6,3	5,8	7,8	7,1	0012345678910	0123456789
10	19154087	Nguyễn Minh	Lộc	DH19OT	<i>Lo</i>	9,0	7,6	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
11	19154088	Phạm Đức	Lộc	DH19OT	<i>Loc</i>	9,0	5,4	7,8	7,2	0012345678910	0123456789
12	19154089	Trần Đức	Lợi	DH19OT	<i>Lu</i>	9,0	6,4	6,8	6,9	0012345678910	0123456789
13	19154092	Trần Đức	Mạnh	DH19OT	<i>Mu</i>	6,3	6,5	6,3	6,4	0012345678910	0123456789
14	19154093	Nguyễn Lê Anh	Minh	DH19OT	<i>Leanh</i>	9,0	5,9	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
15	19154095	Nguyễn Xuân	Minh	DH19OT	<i>Minh</i>	6,3	5,1	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
16	19154096	Nguyễn Hà Phương	Nam	DH19OT	<i>Phu</i>	9,0	7,3	8,5	8,2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02116

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154097	Nguyễn Hoàng	Nam	DH19OT		9,8	3,6	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
18	19154099	Nguyễn Trọng	Nghĩa	DH19OT		9,0	7,8	5,0	6,2	0012345678910	0123456789
19	19154100	Trần Hoàng	Nghiêm	DH19OT		9,0	5,9	4,8	5,6	0012345678910	0123456789
20	19154101	Dương Trọng	Ngôn	DH19OT		9,0	7,5	4,3	5,7	0012345678910	0123456789
21	19154102	Nguyễn Cao	Nguyên	DH19OT						0012345678910	0123456789
22	19154105	Nguyễn Xuân	Nhân	DH19OT		6,3	4,1	5,3	5,0	0012345678910	0123456789
23	19154106	Dương Hoài	Nhân	DH19OT		9,0	6,7	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
24	19154107	Đình Minh	Nhật	DH19OT		9,0	6,6	7,8	7,6	0012345678910	0123456789
25	19154108	Trương Minh	Nhật	DH19OT		6,3	6,1	7,8	7,1	0012345678910	0123456789
26	19154109	Dương Hoài	Nhị	DH19OT		9,8	6,8	5,0	6,0	0012345678910	0123456789
27	19154110	Huỳnh Đức	Nhuận	DH19OT						0012345678910	0123456789
28	19154104	Trần Thanh	Nguyễn	DH19OT		9,0	6,1	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
29	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh	Nhật	DH19OT		9,0	8,1	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
30	17118076	Phan Lê Bảo	Phi	DH17CK		7,1	6,8	5,3	5,9	0012345678910	0123456789
31	19154114	Hồ Thanh	Phú	DH19OT		9,0	5,8	6,3	6,4	0012345678910	0123456789
32	19154118	Não Hoài	Phúc	DH19OT		6,3	5,0	4,3	4,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02116

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi 001_DH19OT_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 36 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154119	Phạm Gia	Phúc	DH19OT		9,0	6,9	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
34	16115147	Nguyễn Thị Thu	Sương	DH16GB		9,0	7,3	4,5	5,8	0012345678910	0123456789
35	16137072	Nguyễn Việt	Thanh	DH16NL		6,3	5,6	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
36	19154150	Phạm Minh	Thành	DH19OT		9,0	7,7	7,8	7,9	0012345678910	0123456789
37	19154151	Trần Trí	Thành	DH19OT		6,3	6,4	7,8	7,2	0012345678910	0123456789
38	19154154	Lê Danh	Thi	DH19OT		4,5	0	3,3	2,4	0012345678910	0123456789
39	19154156	Trần Minh	Thiên	DH19OT						0012345678910	0123456789
40	19154157	Chu Thánh	Thiện	DH19OT		9,4	6,0	8,8	8,0	0012345678910	0123456789
41	19154158	Trần Hữu	Thiện	DH19OT		6,3	7,3	8,5	7,9	0012345678910	0123456789
42	19154159	Nguyễn Thanh	Thông	DH19OT		9,0	7,7	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
43	19154161	Lâm Gia	Thuận	DH19OT		9,0	8,0	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
44	19154162	Son Minh	Thuận	DH19OT		6,3	6,3	7,5	7,0	0012345678910	0123456789
45	19154163	Lê Minh	Tiến	DH19OT		9,4	6,3	9,0	8,2	0012345678910	0123456789
46	19154164	Nguyễn Phước	Tiến	DH19OT		9,0	7,6	8,8	8,5	0012345678910	0123456789
47	19154165	Lê Việt	Tiếp	DH19OT		6,3	6,0	3,3	4,4	0012345678910	0123456789
48	19154166	Huỳnh Công	Tin	DH19OT		6,3	6,5	7,0	6,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02116

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_02**

Tổ Thi **001_DH19OT_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154167	Nguyễn Hữu	Tín	Tín		6,3	5,9	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
50	19154170	Hoàng Ngọc	Tinh	Tinh		9,0	8,0	6,8	7,4	0012345678910	0123456789
51	19154168	Lê Chánh	Tính	Tính		9,8	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
52	19154169	Nguyễn Trọng	Tính							0012345678910	0123456789
53	19154171	Lý Ngọc	Toàn	Toàn		9,0	6,6	5,0	5,9	0012345678910	0123456789
54	19154172	Nguyễn Tiến	Triều	Triều		9,0	7,4	7,5	7,6	0012345678910	0123456789
55	19154173	Trần Hải	Triều	Triều		9,4	6,1	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
56	19154174	Nguyễn Văn	Triệu	Triệu		6,3	5,6	7,8	7,0	0012345678910	0123456789
57	19154176	Nguyễn Lập	Trường	Trường		6,3	6,1	6,0	6,1	0012345678910	0123456789
58	19154177	Nguyễn Nguyên	Trường	Trường		6,3	7,4	3,8	5,1	0012345678910	0123456789
59	19154179	Lê Bá	Tuấn	Tuấn		7,3	7,0	7,8	7,5	0012345678910	0123456789
60	19154180	Nguyễn Hữu	Tuấn	Tuấn		6,3	4,3	5,0	4,9	0012345678910	0123456789
61	19154182	Đoàn Phạm Thanh	Tùng	Tùng		4,5	6,5	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
62	19154184	Nguyễn Thanh	Tùng	Tùng		9,0	4,8	6,8	6,4	0012345678910	0123456789
63	19154185	Trần Lâm	Tùng	Tùng		9,4	5,4	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
64	19154186	Trần Hồng	Tướng	Tướng		9,0	7,8	6,3	7,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02116

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật I(207138)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_02

Tổ Thi 001_DH19OT_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV202

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 36 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			10	79	78	8,1	0012345678910	0023456789
66	16115202	Ngô Thị Thuý Vân	DH16GB			9,0	5,5	7,0	6,8	0012345678910	0123456789
67	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			6,3	4,1	1,5	2,8	0012345678910	0123456789
68	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			9,0	7,2	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
69	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			9,0	8,1	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
70	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			9,0	6,5	7,3	7,2	0012345678910	0123456789
71	19154194	Nguyễn Đăng Vinh	DH19OT							0012345678910	0123456789
72	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			9,4	7,7	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
73	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			6,3	7,9	9,0	8,4	0012345678910	0123456789
74	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT			6,3	5,5	6,8	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 68 Số sinh viên vắng 6

Ngày 26 Tháng 12 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Hữu Hòa

TS. V. H. TIẾN

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **001_DH19OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18115002	Trần Nhã Hoài	An	DH18GN		41,5	41,8	6,0	5,5	0012345678910	0123456789
2	15138001	Trương Văn	An	DH15TD		9,0	6,1	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
3	18115003	Dương Quốc	Anh	DH18CB		0	0	3,3	2,0	0012345678910	0123456789
4	18115005	Nguyễn Tuấn	Anh	DH18GN		6,3	5,0	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
5	18115008	Nguyễn Thị Tú	Bình	DH18CB		9,0	6,7	4,3	5,5	0012345678910	0123456789
6	18115011	Ngô Minh	Chi	DH18GN		9,5	7,8	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
7	18115012	Nguyễn Đình	Chiên	DH18CB		9,0	6,5	4,3	5,4	0012345678910	0123456789
x 8	18115013	Nguyễn Văn	Danh	DH18GN		7,3	4,7	3,8	4,4	0012345678910	0123456789
9	18115014	Võ Công	Danh	DH18CB		9,0	6,0	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
10	18115023	Nguyễn Minh	Duy	DH18CB		9,3	7,7	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
11	18115024	Nguyễn Lê Thùy	Duyên	DH18GN		0	0	0	0	0012345678910	0123456789
12	18115025	Phạm Trần Ngọc	Duyên	DH18CB		0	2,1	0	0,6	0012345678910	0123456789
13	18115015	Lê Chấn	Đông	DH18CB		9,0	6,9	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
14	18115028	Đinh Trần Thanh	Hà	DH18GN		4,5	7,1	4,8	5,5	0012345678910	0123456789
15	18115035	Lê Minh	Hào	DH18CB		10	7,3	3,8	5,5	0012345678910	0123456789
16	18115031	Nguyễn Thị Diễm	Hàng	DH18CB		9,0	7,5	5,3	6,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02117

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **001_DH19OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18115033	Trần Thanh	Hằng	<i>Thanh</i>		9,0	6,6	4,3	5,5	0012345678910	0123456789
18	18115029	Bùi Quang Mỹ	Hân	<i>Mỹ</i>		6,3	6,1	4,8	5,3	0012345678910	0123456789
19	18115037	Lê Minh	Hiệp	<i>Minh</i>		9,0	6,6	4,3	5,5	0012345678910	0123456789
20	18115038	Nguyễn Hoàng	Hiệp	<i>Hoàng</i>		9	7,0	4,5	4,8	0012345678910	0123456789
21	18115039	Hồ Như Trọng	Hiếu	<i>Trọng</i>		9,0	7,3	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
22	18115040	Trần Thị Thu	Hồng	<i>Thu</i>		9,0	7,6	7,3	7,6	0012345678910	0123456789
23	18115041	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	<i>Ngọc</i>		9,0	8,0	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
24	18115044	Trần Đông	Huy	<i>Đông</i>		9,0	7,0	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
25	18115045	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	<i>Ngọc</i>		6,3	6,6	3,5	4,7	0012345678910	0123456789
26	18115042	Đoàn Thị Thu	Hương	<i>Thu</i>		9,3	6,2	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
27	18115046	Chau Na	Khá	<i>Na</i>		6,3	5,7	5,8	5,8	0012345678910	0123456789
28	18115047	Nguyễn Duy	Khang	<i>Duy</i>		9	5,0	2,8	3,2	0012345678910	0123456789
29	18115048	Nguyễn Vĩ	Khang	<i>Vĩ</i>		6,8	8,3	4,3	5,7	0012345678910	0123456789
30	18115049	Trần Vĩnh	Khang	<i>Vĩnh</i>		6,3	5,3	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
31	18115051	Nguyễn Vũ Khánh	Lam	<i>Khánh</i>		4,5	5,1	2,8	3,7	0012345678910	0123456789
32	18115052	Trịnh Thị Ngọc	Lãnh	<i>Ngọc</i>		0,5	6,8	6,0	5,7	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02117

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18115053	Nguyễn Văn	Lâu	DH18CB	<i>Nguyễn Văn Lâu</i>	9,0	6,3	5,3	6,0	0012345678910	0123456789
34	18115055	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	DH18GN	<i>Huỳnh Ngọc Khánh</i>	9,0	6,9	6,0	6,6	0012345678910	0123456789
35	18115056	Trần Khánh	Linh	DH18GN	<i>Trần Khánh</i>	6,3	9	5,3	3,8	0012345678910	0123456789
36	18115058	Nguyễn Tiêu	Long	DH18CB	<i>Nguyễn Tiêu</i>	9,0	6,7	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
37	18115062	Ngô Thị Trà	Mi	DH18GN						0012345678910	0123456789
38	18115065	Trần Quang	Nghĩa	DH18CB	<i>Trần Quang</i>	6,3	7,0	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
39	18115068	Phạm Thị Kiều	Nhi	DH18CB	<i>Phạm Thị Kiều</i>	9,7	5,9	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
40	18115071	Thái Xuân Tuyết	Nhung	DH18GN	<i>Thái Xuân Tuyết</i>	9	5,5	2,3	3,0	0012345678910	0123456789
41	18115070	Tôn Thị Tâm	Như	DH18GN	<i>Tôn Thị Tâm</i>	9	4,7	5,0	4,4	0012345678910	0123456789
42	18115072	Hồ Bảo	Ninh	DH18CB	<i>Hồ Bảo</i>	9,0	7,7	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
43	16115132	Huỳnh Ngọc	Phấn	DH16CB	<i>Huỳnh Ngọc</i>	9,0	7,4	3,0	4,9	0012345678910	0123456789
44	18115074	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	DH18CB	<i>Nguyễn Thị Hồng</i>	9,0	6,3	3,3	4,8	0012345678910	0123456789
45	14118048	Bùi Hoàng	Phong	DH14CC	<i>Bùi Hoàng</i>	9	3,2	5,0	4,0	0012345678910	0123456789
46	18115076	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Phương	DH18CB	<i>Nguyễn Đỗ Quỳnh</i>	9,0	8,2	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
47	18115078	Vũ Như	Phương	DH18CB	<i>Vũ Như</i>	0,7	5,8	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
48	18115080	Trịnh Thị Như	Quỳnh	DH18CB	<i>Trịnh Thị Như</i>	9,0	6,0	3,5	4,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02117

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **001_DH19OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL			5,8	1,8	7,0	5,3	0012345678910	0123456789
50	16115149	Nguyễn Anh Tài	DH16CB			6,3	3,3	6,3	5,4	0012345678910	0123456789
51	18115081	Nguyễn Thị Thanh Tâm	DH18CB			9,0	6,4	4,3	5,4	0012345678910	0123456789
52	18115082	Bùi Xuân Tây	DH18GN			9,3	7,5	2,3	4,6	0012345678910	0123456789
53	18115084	Vô Chí Thanh	DH18GN			9	7,0	6,5	6,0	0012345678910	0123456789
54	15154053	Sơn Ngọc Thắng	DH15OT							0012345678910	0123456789
55	18115087	Vô Ngọc Thát	DH18GN			9,0	7,6	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
56	18115088	Nguyễn Thị Thìn	DH18GN			9,0	6,8	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
57	18115089	Đào Như Thịnh	DH18CB			9	9	2,0	1,2	0012345678910	0123456789
58	18115090	Nguyễn Gia Thịnh	DH18CB			6,3	7,6	5,8	6,4	0012345678910	0123456789
59	18115092	Lê Hoàng Thông	DH18CB			9,0	8,4	5,8	6,9	0012345678910	0123456789
60	18115093	Vũ Đức Thông	DH18CB			6,3	7,3	5,0	5,8	0012345678910	0123456789
61	18115095	Nguyễn Thị Thanh Thủy	DH18GN			9,3	8,1	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
62	18115100	Trần Thị Tiên	DH18CB			6,3	7,3	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
63	18115099	Trần Anh Tiến	DH18GN			9,5	7,0	3,3	5,0	0012345678910	0123456789
64	18115101	Nguyễn Thị Thanh Trà	DH18GN			6,3	6,4	6,3	6,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02117

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19OT_05**

Tổ Thi **001_DH19OT_05**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18115102	Đặng Thị Thùy	Trâm	Trâm		4,5	5,0	3,4	4,0	0012345678910	0123456789
66	18115103	Hà Ngọc	Trâm	Hà		9,0	4,4	3,0	4,0	0012345678910	0123456789
67	16114311	Trần Thị Tú	Trình	Trình		9	6,8	8,3	7,0	0012345678910	0123456789
68	18115109	Huỳnh Lâm	Trúc	Lâm		9,0	8,0	4,8	6,2	0012345678910	0123456789
69	17154116	Nguyễn Anh	Tuấn	Nguyễn		9,0	4,8	3,5	4,4	0012345678910	0123456789
70	18115113	Phạm Vũ Ngọc	Tuyền	Phạm		9,0	7,0	3,3	5,0	0012345678910	0123456789
71	18115112	Nguyễn Mạnh	Tường	Nguyễn		6,3	3,2	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
72	18115114	Huỳnh Thị Thuý	Uyên	Uyên		9,0	8,1	6,3	7,1	0012345678910	0123456789
73	18115116	Trương Đình	Vân	Vân		9,0	6,8	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
74	18115115	Vũ Thị Thảo	Vân	Vũ		9,0	7,1	4,8	5,9	0012345678910	0123456789
75	15118133	Đặng Hoàng	Vũ	Đặng		9,0	4,4	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
76	18115117	Phan Minh	Vũ	Phan		6,3	7,6	6,0	6,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02117

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)** Số Tin Ch **3**
Nhóm Thi **DH19OT_05** Tổ Thi **001_DH19OT_05** Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**
Ngày Thi **23/12/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **TV101**

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 71 Số sinh viên vắng 02

Ngày 26 Tháng 12 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Quang Hiền
Lê Văn Tuấn

148
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

CBCT 3

Quang Trí

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_06

Tổ Thi 001_DH19NL_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201B

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154038	Huỳnh Đạo	Hạnh	DH19OT		6,3	5,8	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
2	19154036	Đặng Bảo	Hân	DH19OT		9,5	7,6	9,0	8,6	0012345678910	0123456789
3	19154037	Nguyễn Phan Trường	Hân	DH19OT		9,0	6,3	8,0	7,6	0012345678910	0123456789
4	19154040	Đào Công	Hậu	DH19OT		9,0	8,0	8,8	8,6	0012345678910	0123456789
5	19154041	Đào Đức	Hiền	DH19OT		9,0	4,8	7,5	6,8	0012345678910	0123456789
6	19154042	Nguyễn Thanh	Hiền	DH19OT						0012345678910	0123456789
7	19154043	Nguyễn Thái	Hiền	DH19OT		9,0	5,4	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
8	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng	Hiệp	DH19OT		10	7,8	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
9	19154046	Phạm Quang	Hiếu	DH19OT		6,3	3,8	3,7	4,0	0012345678910	0123456789
10	19154048	Trần	Hòa	DH19OT		10	7,7	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
11	19154049	Trần Văn	Hòa	DH19OT		4,5	3,2	7,8	6,1	0012345678910	0123456789
12	19154047	Văn Công	Hoà	DH19OT		6,3	5,8	6,3	6,2	0012345678910	0123456789
13	19154050	Hà Ngọc Quốc	Hoàng	DH19OT		6,3	7,5	9,3	8,5	0012345678910	0123456789
14	19154051	Lê Quang	Hoàng	DH19OT		9,0	7,2	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
15	19154052	Nguyễn Thanh	Hoàng	DH19OT						0012345678910	0123456789
16	19154053	Đoàn Phi	Hùng	DH19OT		6,3	4,5	5,0	5,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02115

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_06**

Tổ Thi **001_DH19NL_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154054	Thái Viết Hùng	DH19OT	Hung		9,3	7,3	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
18	19154057	Dương Gia Huy	DH19OT	Huy		4,5	4,6	8,0	6,6	0012345678910	0123456789
19	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT	Huy		9,5	8,0	9,3	8,9	0012345678910	0123456789
20	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT	Huy		9,0	6,8	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
21	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT	Huy		10	7,8	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
22	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT	Huy		9,0	6,6	4,8	5,8	0012345678910	0123456789
23	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT	Huy		9,0	7,2	3,4	5,1	0012345678910	0123456789
24	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT	Hung		7,0	6,7	6,3	6,5	0012345678910	0123456789
25	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT	Hung		6,3	6,3	2,8	4,2	0012345678910	0123456789
26	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT	Khải		6,3	5,7	5,0	5,3	0012345678910	0123456789
27	19154068	Nguyễn Hồ Bảo Khang	DH19OT	Khang						0012345678910	0123456789
28	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT	Khang		6,3	4,7	6,5	5,9	0012345678910	0123456789
29	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT	Khang		4,5	3,3	4,5	4,1	0012345678910	0123456789
30	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT	Khang		9,0	5,2	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
31	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT	Khánh		4,5	6,4	7,8	7,1	0012345678910	0123456789
32	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT	Khánh		9,0	7,7	7,3	7,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02115

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_06**

Tổ Thi **001_DH19NL_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154074	Trần Công	Khánh	DH19OT		6,3	7,0	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
34	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng	Khoa	DH19OT		4,5	0	3,5	2,6	0012345678910	0123456789
35	19154076	Trần Anh	Khoa	DH19OT		6,3	6,7	6,8	6,7	0012345678910	0123456789
36	19154077	Trương Đăng	Khoa	DH19OT		9,0	6,5	8,8	8,1	0012345678910	0123456789
37	19154079	Hồ Tuấn	Kiệt	DH19OT		6,3	6,0	7,8	7,1	0012345678910	0123456789
38	19154081	Trương Bảo	Lam	DH19OT		9,0	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
39	19154083	Nguyễn Bảo	Lâm	DH19OT		6,3	5,4	5,8	5,7	0012345678910	0123456789
40	19154084	Ngô Minh	Lê	DH19OT		9,7	5,0	9,0	7,9	0012345678910	0123456789
41	19154085	Trần Cao Du	Lịch	DH19OT		6,3	4,6	5,5	5,3	0012345678910	0123456789
42	16153052	Nguyễn Thanh	Luận	DH16CD		4,5	6,0	6,3	6,0	0012345678910	0123456789
43	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	DH17CD		4,5	5,9	7,8	6,9	0012345678910	0123456789
44	15118068	Phạm Đức	Nam	DH15CK						0012345678910	0123456789
45	17154058	Phạm Sĩ	Nguyễn	DH17OT		9,0	6,6	6,3	6,7	0012345678910	0123456789
46	19154120	Lục Lưu	Phước	DH19OT		9,0	6,9	4,3	5,6	0012345678910	0123456789
47	19154122	Trần Lê Hữu	Phước	DH19OT		9,0	6,9	7,5	7,5	0012345678910	0123456789
48	19154123	Phạm Minh	Phuong	DH19OT		9,3	5,8	8,8	8,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02115

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_06

Tổ Thi 001_DH19NL_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201B

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19154124	Phan Văn	Phương	DH19OT						0012345678910	0123456789
50	19154125	Vô Anh	Phương	DH19OT	<i>Ph</i>	9,0	6,8	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
51	19154126	Nguyễn Mạnh	Quang	DH19OT	<i>Quang</i>	6,3	6,8	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
52	19154127	Nguyễn Văn	Qui	DH19OT	<i>Qui</i>	6,3	5,0	5,3	5,3	0012345678910	0123456789
53	19154128	Nguyễn Đình	Quyết	DH19OT	<i>Quyết</i>	9,0	7,5	6,8	7,2	0012345678910	0123456789
54	19154129	Phạm Ngọc	Sang	DH19OT	<i>Sang</i>	9,0	6,7	3,8	5,2	0012345678910	0123456789
55	19154130	Trần Huỳnh Ngọc	Sang	DH19OT	<i>Sang</i>	9,0	7,0	8,3	8,0	0012345678910	0123456789
56	19154131	Lê Hoàng	Son	DH19OT	<i>Son</i>	9,0	6,5	5,8	6,3	0012345678910	0123456789
57	19154132	Nguyễn Văn	Sỹ	DH19OT	<i>Sỹ</i>	9,0	6,8	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
58	19154133	Nguyễn Tấn	Tài	DH19OT	<i>Tai</i>	9,0	5,8	4,0	5,0	0012345678910	0123456789
59	19154134	Nguyễn Văn	Tài	DH19OT	<i>Tai</i>	9,0	3,7	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
60	19154135	Nguyễn Đỗ Anh	Tâm	DH19OT	<i>Tâm</i>	9,0	5,3	6,8	6,6	0012345678910	0123456789
61	19154136	Phạm Văn	Tân	DH19OT	<i>Tân</i>	9,0	6,6	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
62	19154137	Huỳnh Anh	Tân	DH19OT	<i>Tân</i>	9,0	6,7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
63	19154139	Dương Bảo	Thái	DH19OT	<i>Thái</i>	9,0	6,5	6,8	6,9	0012345678910	0123456789
64	19154138	Đặng Văn	Thái	DH19OT	<i>Thái</i>	9,0	6,3	7,0	7,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02115

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH19NL_06**

Tổ Thi **001_DH19NL_06**

Tên CBGD **Nguyễn Thị Kiều Hạnh**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV201B**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19154140	Nguyễn Quốc	Thái	DH19OT	<i>Kh</i>	9,0	6,5	7,8	7,5	0012345678910	0123456789
66	19154142	Nguyễn Bảo	Thanh	DH19OT	<i>B. Thanh</i>	9,3	8,0	9,0	8,7	0012345678910	0123456789
67	19154143	Chu Chí	Thành	DH19OT	<i>Thành</i>	9,0	6,5	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
68	19154145	Hồ Phan Long	Thành	DH19OT	<i>Thành</i>	6,3	6,3	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
69	19154146	Lê Thiện	Thành	DH19OT	<i>LS</i>	9,0	7,7	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
70	19154147	Lê Văn	Thành	DH19OT	<i>Thành</i>	9,0	6,8	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
71	19154148	Lương Tất	Thành	DH19OT	<i>Thành</i>	9,0	7,5	7,3	7,5	0012345678910	0123456789
72	19154149	Nguyễn Phúc	Thành	DH19OT	<i>Phu</i>	6,3	6,9	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
73	17154090	Nguyễn Đình	Thắng	DH17OT	<i>ĐD</i>	4,5	5,6	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
74	19154141	Nguyễn Quốc	Thắng	DH19OT	<i>Q</i>	9,0	7,3	8,0	7,9	0012345678910	0123456789
75	16137093	Lê Văn	Tuấn	DH16NL	<i>L</i>	4,5	4,7	7,0	6,1	0012345678910	0123456789
76	15154066	Nguyễn Thanh	Tuấn	DH15OT	<i>Th</i>	4,5	7,4	7,3	7,1	0012345678910	0123456789
77	15154067	Nguyễn Văn	Tuấn	DH15OT	<i>NV</i>	9,0	6,6	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
78	16137103	Cao Nguyễn Xuân	Vinh	DH16NL	<i>X</i>	4,5	5,5	8,0	6,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02115

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Vẽ kỹ thuật 1(207138)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_06

Tổ Thi 001_DH19NL_06

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV201B

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 73 Số sinh viên vắng 05.

Ngày 26 Tháng 12 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hùng Cường

Đào Duy Khánh

Nguyễn Tấn Phúc

TS-Võ Văn Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 02118

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học (20/8/140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ	Anh	DH18CC	Anh	1,5	0,25	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
2	19118003	Nguyễn Văn	Anh	DH19CC	Anh	1,5	0,5	1,5	3,5	0012345678910	0123456789
3	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc	Bảo	DH19CC	Bảo	1,3	0,0	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
4	19118013	Nguyễn Tiêu	Bảo	DH19CC	Bảo	1,3	0,0	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
5	19118016	Nguyễn Văn	Ca	DH19CC	Ca	1,25	0,0	0,25	1,5	0012345678910	0123456789
6	19118018	Lê Minh	Cánh	DH19CC	Ca	1,0	0,0	0,3	1,3	0012345678910	0123456789
7	16118019	Nguyễn Tuấn	Châu	DH16CC	Châu	2,0	1,0	5,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	19118020	Nguyễn Đoàn Công	Chiến	DH19CC	Chiến	2,25	0,3	3,25	5,8	0012345678910	0123456789
9	19118024	Đậu Thành	Công	DH19CC	Công	1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
10	19118026	Đinh Ngọc	Cường	DH19CC	Cy	1,5	0,0	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
11	14154080	Nguyễn Hoàng	Diên	DH14OT						0012345678910	0123456789
12	19118043	Huỳnh Quốc	Dũng	DH19CC	Dũng	2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
13	19118044	Trần Nhật	Dũng	DH19CC	Dũng	1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
14	19118049	Huỳnh Khánh	Duy	DH19CC	Duy	1,3	1,0	0,0	2,3	0012345678910	0123456789
15	19118051	Phan Phúc	Duy	DH19CC	Phu	1,3	0,0	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
16	16118041	Trần Đức	Duy	DH16CC	Duy	2,0	0,25	1,25	4,0	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02118

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi: Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)
 Nhóm Thi: DH19CC_01
 Ngày Thi: 23/12/2019
 Tổ Thi: 001_DH19CC_01
 Giờ Thi: 14:45
 Số Tín Ch: 3
 Tên CBGD: Vương Thành Tiên
 Phòng Thi: HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118046	Nguyễn Văn	Dương	Dương		1,3	0,25	0,25	1,8	0002345678910	0123456789
18	19118032	Trần Tiến	Đạo	Đạo		2,3	0,5	3,0	5,8	0012345678910	0123456789
19	19118033	Lê Tiến	Đạt	Đạt		0,0	0,3	0,0	0,3	0012345678910	0123456789
20	19118035	Nguyễn Mai Quốc	Đạt							0012345678910	0123456789
21	19118036	Nguyễn Thành	Đạt	Đạt		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
22	19118037	Phạm Thế	Đạt	Đạt		2,0	0,25	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
23	19118039	Bùi Ngọc	Điệp	Điệp		1,0	0,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
24	19118041	K'	Đông	Đông		1,5	0,5	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
25	14154017	Lê Minh	Hải	Hải		2,0	0,5	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
26	19118057	Huỳnh Gia	Hào	Hào		1,8	0,0	0,0	1,8	0012345678910	0123456789
27	19118059	Nguyễn Chí	Hào	Hào		1,5	0,0	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
28	19118074	Ngô Minh	Hoàng	Hoàng		1,0	0,3	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
29	19118077	Phạm Văn	Hoàng	Hoàng		0,5	0,0	0,0	0,5	0012345678910	0123456789
30	19118085	Đặng Minh	Huy	Huy		1,3	0,0	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
31	19118087	Đỗ Quốc	Huy	Huy		1,5	0,5	0,0	2,0	0012345678910	0123456789
32	19118091	Ngô Sang	Huy	Huy		1,25	1,25	0,0	2,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02118

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118094	Nguyễn Nam	Huy	<i>Thuy</i>		1,5	0,5	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
34	19118095	Nguyễn Quang	Huy	<i>Q</i>		0,0	0,0	0,0	0,0	0012345678910	0123456789
35	19118082	Nguyễn Cao	Hưng	<i>C</i>		1,5	0,25	0,75	2,5	0012345678910	0123456789
36	19118084	Trần Trọng	Hữu	<i>T</i>		1,75	0,0	3,25	5,0	0012345678910	0123456789
37	19118101	Lê Duy	Kha	<i>Kha</i>		1,8	0,0	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
38	19118102	Nguyễn Văn	Khá	<i>K</i>		2,25	0,5	3,25	6,0	0012345678910	0123456789
39	19118103	Mai Hoàng	KHải	<i>M</i>		1,5	0,5	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
40	19118104	Nguyễn Chí	KHải	<i>K</i>		1,5	0,5	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
41	19118105	Lý Nhât	Khang	<i>K</i>		2,0	0,25	0,75	3,0	0012345678910	0123456789
42	19118107	Phạm Vĩnh	Khang	<i>K</i>		1,5	0,0	0,3	1,8	0012345678910	0123456789
43	19118110	Lâm Hào	Khôn	<i>K</i>		2,0	1,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
44	19118115	Phù Thiết	Ki	<i>K</i>		0,8	0,0	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
45	19118117	Nguyễn Trường	Lâm	<i>L</i>		1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
46	19118122	Đinh Kỳ	Linh	<i>D</i>		1,75	0,5	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
47	19118131	Lê Hoàng	Long	<i>L</i>		1,75	0,5	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
48	19118134	Lý Kim	Luân	<i>L</i>		2,0	0,75	2,25	5,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02118

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tính học & động lực học(20

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118139	Đình Minh	Mẫn	DH19CC		1,5	1,0	1,8	4,3	0012345678910	0123456789
50	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC		1,8	0,25	2,25	4,3	0012345678910	0123456789
51	19118146	Thạch	Minh	DH19CC		0,5	0,0	0,3	0,8	0012345678910	0123456789
52	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC		1,3	0,0	0,5	1,8	0012345678910	0123456789
53	19118154	Phạm Minh	Nghĩa	DH19CC		1,3	0,0	2,0	3,3	0012345678910	0123456789
54	19118161	Lê Dương Thiện	Nhân	DH19CC						0012345678910	0123456789
55	19118162	Nguyễn Duy Trọng	Nhân	DH19CC		0,3	0,5	0,0	0,8	0012345678910	0123456789
56	19118163	Phạm Trọng	Nhân	DH19CC		(cấm thi)				0012345678910	0123456789
57	19118164	Trần Thanh	Nhân	DH19CC		1,8	0,75	1,75	4,3	0012345678910	0123456789
58	19118170	Nguyễn Hoàng	Ninh	DH19CC		1,5	0,75	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
59	19118173	Bùi Trung	Phong	DH19CC		1,25	0,25	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
60	19118178	Phạm Hoàng	Phong	DH19CC		0,5	0,0	0,0	0,5	0012345678910	0123456789
61	19118179	Nguyễn Lê	Phú	DH19CC		1,25	1,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
62	19118182	Lê Đình	Phước	DH19CC		1,75	0,5	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
63	19118185	Nguyễn Hoàng	Quân	DH19CC		1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
64	19118186	Nguyễn Ngọc	Quân	DH19CC		1,5	0,8	0,0	2,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02118

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi

001_DH19CC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118195	Phạm Thành	Sang	DH19CC	<i>Sang</i>	0,75	0,25	0,0	1,0	00012345678910	0123456789
66	14137064	Lê Nguyễn Minh	Tài	DH14NL	<i>Lê</i>	2,5	1,0	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
67	19118201	Nguyễn Tuấn	Tài	DH19CC	<i>Tài</i>	1,0	0,0	0,0	1,0	00012345678910	0123456789
68	19118202	Nguyễn Minh	Tâm	DH19CC	<i>Tâm</i>	0,0	0,3	0,0	0,3	0012345678910	0123456789
69	19118204	Phùng Quốc	Tấn	DH19CC						0012345678910	0123456789
70	19118213	Đặng Hồng	Thanh	DH19CC	<i>Thanh</i>	1,5	0,0	0,8	2,3	0012345678910	0123456789
71	19118215	Trần Ngọc	Thanh	DH19CC	<i>Thanh</i>	1,5	0,0	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
72	19118217	Phan Trung	Thành	DH19CC	<i>Phan</i>	1,0	1,5	0,0	2,5	0012345678910	0123456789
73	19118218	Lê Thế	Thào	DH19CC	<i>Lê</i>	1,75	0,25	0,5	2,5	0012345678910	0123456789
74	19118211	Trần Danh	Thắng	DH19CC						0012345678910	0123456789
75	18154121	Giang Đại	Thuận	DH18OT	<i>Thuận</i>	1,8	0,5	3,5	5,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10 Số sinh viên vắng 5...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

Phạm Thành

Phạm Thành



Mã nhận dạng 02119

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học (208140)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118230	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH19CC	AT	1,8	0,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
2	19118236	Phạm Vũ Nhật	Tiến	DH19CC	Phu	1,8	0,25	0,75	2,8	0012345678910	0123456789
3	19118244	Nguyễn Phúc	Toại	DH19CC						0012345678910	0123456789
4	19118246	Nguyễn Văn	Toàn	DH19CC	toan	1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
5	19118247	Trương Hữu	Toàn	DH19CC	Tru	1,5	0,0	1,5	3,0	0012345678910	0123456789
6	19118245	Nguyễn Văn	Toán	DH19CC	Tru	1,5	1,5	3,3	6,3	0012345678910	0123456789
7	19118251	Trần Thị Thiên	Trang	DH19CC	Thk	2,0	0,5	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
8	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trần	DH19CC	Tru	1,5	0,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
9	19118254	Huỳnh Như	Trọng	DH19CC	Tru	2,0	1,0	1,5	4,5	0012345678910	0123456789
10	19118255	Ngô Thanh	Trung	DH19CC	Tru	1,5	0,25	0,25	2,0	0012345678910	0123456789
11	19118258	Vũ Đình	Trung	DH19CC	Tru	2,0	0,25	3,25	5,5	0012345678910	0123456789
12	19118262	Thái Văn	Trường	DH19CC	Tha	2,25	0,5	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
13	19118268	Trần Nguyễn Anh	Tuấn	DH19CC	Tru	1,3	0,0	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
14	19118269	Trần Nguyễn Đức	Tuấn	DH19CC	Tru	1,0	0,3	0,0	1,3	0012345678910	0123456789
15	14137092	Cao Tấn	Tùng	DH14NL	Tru	2,5	1,0	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
16	19118263	Võ Văn	Tư	DH19CC	Tru	1,75	0,5	0,75	3,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02119

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ kỹ thuật: Tĩnh học & động lực học(2l) Số Tin Ch 3
 Nhóm Thi DH19CC_01 Tổ Thi 002_DH19CC_01 Tên CBGD Vương Thành Tiên
 Ngày Thi 23/12/2019 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi HD204

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118277	Vũ Quang	Vinh	DH19CC						0012345678910	00123456789
18	19118279	Bùi Bá	Vũ	DH19CC		1,0	0,0	0,0	1,0	0012345678910	00123456789
19	19118280	Nguyễn Hoàng	Vũ	DH19CC		1,5	0,5	1,0	3,0	0012345678910	00123456789

Số sinh viên dự thi 4. Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

N.V. Kiep

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

TS. Võ Hà Tiên

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 02124

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_02**

Tổ Thi **001_DH18OT_02**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154001	Quách Trường	An	DH18OT		1,5	1,25	4,25	4,0	00012345678910	0123456789
2	18154004	Lương Tiến	Anh	DH18OT		1,5	1,25	3,75	6,5	00012345678910	0123456789
3	18154005	Nguyễn Duy	Anh	DH18OT		1,5	1,0	0,8	3,3	00012345678910	0123456789
4	18154007	Trần Quyền	Anh	DH18OT		1,5	1,0	0,8	3,3	00012345678910	0123456789
5	18154003	Trương Long	Án	DH18OT		1,5	1,0	3,8	6,3	00012345678910	0123456789
6	18154009	Phan Hải	Âu	DH18OT		1,5	1,25	2,25	5,0	00012345678910	0123456789
7	18154011	Lý Thị	Bé	DH18OT		1,5	1,25	6,25	9,0	00012345678910	0123456789
8	18154013	Phạm Minh	Chí	DH18OT		1,5	1,0	0,8	3,3	00012345678910	0123456789
9	18154015	Nguyễn Chí	Cường	DH18OT		1,5	1,0	3,5	6,0	00012345678910	0123456789
10	18154018	Huỳnh Công	Danh	DH18OT		1,5	1,0	3,3	5,8	00012345678910	0123456789
11	18154019	Huỳnh Công	Danh	DH18OT		1,5	1,0	1,5	4,0	00012345678910	0123456789
12	18154027	Đình Quốc	Dũng	DH18OT		1,5	1,0	0,8	3,3	00012345678910	0123456789
13	18154028	Phạm Tiến	Dũng	DH18OT		1,5	0,5	2,3	4,3	00012345678910	0123456789
14	18154016	Dương Đình	Đại	DH18OT		1,5	0,75	2,25	4,5	00012345678910	0123456789
15	18154017	Nguyễn Tấn	Đại	DH18OT		1,5	1,0	6,0	8,5	00012345678910	0123456789
16	18154020	Nguyễn Quang	Đạo	DH18OT		1,5	0,5	0,3	2,3	00012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02124

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 001_DH18OT_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154021	Lâm Gia	Đạt	Duy		1,25	1,0	0,75	3,0	00012045678910	0123456789
18	18153010	Đặng Hải	Đặng	Đặng		1,5	1,0	1,5	4,0	00012305678910	0123456789
19	18154025	Nguyễn Trung	Đình	Đình		1,5	1,0	3,8	6,3	00012345078910	0120456789
20	18154033	Lương Văn	Giàu	Giàu		1,5	0,75	5,25	7,5	00012345608910	0123406789
21	18115039	Hồ Như Trọng	Hiếu	Hiếu		1,5	1,0	3,5	6,0	00012345078910	0123456789
22	18154036	Lê Võ Quang	Hiếu	Hiếu		1,25	0,75	5,3	7,3	00012345608910	0120456789
23	18154039	Vũ Xuân	Hòa	Hòa		1,25	0,75	5,3	7,3	00012345608910	0120456789
24	18154037	Nguyễn Văn	Hóa	Hóa		1,5	1,0	2,8	5,3	00012340678910	0120456789
25	18154046	Nguyễn Hoàng	Huy	Huy		1,5	1,0	3,0	5,5	00012340678910	0123406789
26	18154047	Nguyễn Hữu Minh	Huy	Huy		1,5	0,0	0,8	2,3	00010345678910	0120456789
27	18154048	Phạm Trần Gia	Huy	Huy		1,5	0,0	4,0	5,5	00012340678910	0123406789
28	18154050	Võ Nguyễn Gia	Huy	Huy		1,5	0,5	1,5	3,5	00012045678910	0123406789
29	18154041	Nguyễn Minh	Hung	Hung		1,0	0,0	0,0	1,0	00002345678910	0123456789
30	18154042	Nguyễn Hữu Trọn	Hưởng	Hưởng		1,5	1,0	3,0	5,5	00012340678910	0123406789
31	18154051	Đình Nhĩ	Khang	Khang		1,25	1,25	2,0	4,5	00012305678910	0123406789
32	18154052	Trần Chí	Khang	Khang		0,5	0,8	0,5	1,8	00002345678910	0123456709

Mã nhận dạng 02124

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 001_DH18OT_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154053	Trần Công	Khánh	Khánh	15	1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
34	18154056	Cao Trung	Kiên	CDP	15	0,75	1,25	3,5	3,5	0012345678910	0123456789
35	18154058	Đỗ Tuấn	Kiệt	Ki	15	1,0	2,5	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
36	18154059	Nguyễn Phan Hoài	Lâm	Lam	15	1,3	2,0	4,8	4,8	0012345678910	0123456789
37	18154060	Nguyễn Văn Chí	Lâm	Lam	15	0,5	2,0	4,0	4,0	0012345678910	0123456789
38	18154061	Chu Phú	Lân	Lân	15	0,25	1,75	3,5	3,5	0012345678910	0123456789
39	18154063	Nguyễn Xuân	Linh	Linh	1,0	0,75	2,75	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
40	18154066	Lưu Kim	Long	Long	1,25	1,0	2,75	5,0	5,0	0012345678910	0123456789
41	18154068	Phạm Kim	Long	Long	1,25	1,25	3,0	5,5	5,5	0012345678910	0123456789
42	18154071	Nguyễn Thế	Nam	Nam	1,5	1,0	2,3	4,8	4,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 00

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18OT_02**

Tổ Thi **002_DH18OT_02**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18154073	Tạ Hoàng	Nam	DH18OT		1,0	0,75	2,25	4,0	0012345678910	0123456789
2	18154075	Huỳnh Trọng	Nghĩa	DH18OT		1,5	1,0	2,0	4,5	0012345678910	0123456789
3	18154077	Nguyễn Thanh	Nghiêm	DH18OT		1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
4	18154078	Đặng Văn	Ngoan	DH18OT		1,3	1,0	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
5	18154081	Vô Nhật	Nguyên	DH18OT		1,5	0,5	2,8	4,8	0012345678910	0123456789
6	18154083	Phạm Minh	Nhã	DH18OT		1,5	1,3	4,0	6,8	0012345678910	0123456789
7	17154062	Hồ Tấn	Nhân	DH17OT		1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	18154085	Lê Quốc	Nhân	DH18OT		1,5	1,0	1,0	3,5	0012345678910	0123456789
9	18154086	Võ Đình	Nhân	DH18OT		1,5	0,75	0,25	2,5	0012345678910	0123456789
10	18154088	Nguyễn Đình	Nhật	DH18OT		1,5	1,5	6,5	9,5	0012345678910	0123456789
11	18154089	Đoàn Minh	Nhó	DH18OT		1,5	1,3	2,0	4,8	0012345678910	0123456789
12	18153051	Trần Minh	Nhựt	DH18CD		1,5	1,0	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
13	18154090	Trần Nguyễn Minh	Nhựt	DH18OT		1,5	1,3	0,5	3,3	0012345678910	0123456789
14	18154092	Chau Sô	Phát	DH18OT		1,5	1,0	3,8	6,3	0012345678910	0123456789
15	18154093	Nguyễn Hữu	Phát	DH18OT		1,5	1,0	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
16	18154096	Quách THạnh	Phú	DH18OT		1,5	1,25	3,75	6,5	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 002_DH18OT_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154097	Hồ Hoàng	Phúc	HPHuc		1,5	1,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
18	18154099	Trần Hoàng	Phúc	PHuc		1,5	1,3	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
19	18154100	Mai Trần	Phuong	P		1,5	0,8	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
20	18154102	Lý Trung	Quân	Q		1,5	0,75	4,25	2,5	0012345678910	0123456789
21	18154104	Lê Duy	Quốc	Quoc		1,5	1,0	6,0	8,5	0012345678910	0123456789
22	18154105	Đinh Hoàng	Son	H		1,5	1,0	0,3	2,8	0012345678910	0123456789
23	18154107	Nguyễn Hữu	Sum	Sum		1,5	1,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
24	18154109	Nguyễn Hoàng Nhật	Tào	H		1,5	1,0	5,5	8,0	0012345678910	0123456789
25	18154108	Trương Thành	Tấn	Qu		1,5	1,0	4,8	7,3	0012345678910	0123456789
26	18154110	Huỳnh Phước	Thái	Thai		1,5	0,5	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
27	18154111	Phạm Ngọc	Thái	Ph		1,5	1,0	0,3	2,8	0012345678910	0123456789
28	18154116	Đặng Kim	Thảo	Th		1,5	1,0	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
29	18154113	Lê Đức	Thắng	Th		1,5	1,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
30	18154114	Nguyễn Quốc	Thắng	Thang		1,5	0,8	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
31	18154115	Trần Hữu	Thắng	Th		1,5	0,75	2,75	5,0	0012345678910	0123456789
32	18154117	Trương Quang	Thi	Thi		1,5	1,0	0,3	2,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH18OT_02

Tổ Thi 002_DH18OT_02

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154119	Đoàn Văn	Thìn	DH18OT		1,5	0,5	2,3	4,3	0012345678910	0123456789
34	17154095	Huỳnh Minh	Thịnh	DH18OT		1,5	0,8	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
35	18154120	Trần Quốc	Thịnh	DH18OT		1,5	1,0	0,8	3,3	0012345678910	0123456789
36	18154121	Giang Đại	Thuận	DH18OT		1,5	1,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
37	18154122	Hồ Văn	Thuận	DH18OT		1,5	1,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
38	18154124	Nguyễn Hữu	Tin	DH18OT		1,5	0,8	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
39	18154125	Nguyễn Văn	Toàn	DH18OT		1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
40	18154126	Vô Minh	Trí	DH18OT		1,5	0,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
41	18154129	Trần Mạnh	Trường	DH18OT		1,0	1,0	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
42	18154131	Nguyễn Tài	Tuệ	DH18OT		1,5	0,5	2,0	4,0	0012345678910	0123456789
43	18154132	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18OT		1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
44	18154135	Vô Văn	Vũ	DH18OT		1,5	1,0	4,8	7,3	0012345678910	0123456789
45	18153086	Nguyễn Việt	Ý	DH18CD		1,5	0,8	6,0	8,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02125

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)** Số Tín Ch **2**
 Nhóm Thi **DH18OT_02** Tổ Thi **002_DH18OT_02** Tên CBGD **Vương Thành Tiên**
 Ngày Thi **24/12/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **TV101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 45. Số sinh viên vắng 0.

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

N.V. Kiệp

Nguyễn Văn Tuấn Anh

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

Vương Thành Tiên



Mã nhận dạng 02120

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Động học và động lực học cơ cấu(207141)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18CD_05**

Tổ Thi **001_DH18CD_05**

Tên CBGD **Vương Thành Tiên**

Ngày Thi **24/12/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV103**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh	An	DH18CD		1,5	0,5	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
2	18154006	Phạm Tuấn	Anh	DH18OT		1,5	0,75	1,75	4,0	0012345678910	0123456789
3	18154008	Trịnh Hoàng	Anh	DH18OT		1,5	0,75	4,25	6,5	0012345678910	0123456789
4	18153003	Đình Quốc	Bào	DH18CD		1,0	0,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
5	17153006	Nguyễn Tuấn	Bào	DH17CD		1,0	0,8	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
6	18153004	Nguyễn Ngọc	Bào	DH18CD		1,25	0,75	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
7	18153005	Phan Chí	Bào	DH18CD		1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	18153006	Trần Hữu	Chí	DH18CD		1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
9	18153007	Trần Minh	Chiến	DH18CD		1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
10	18137006	Bùi Văn	Cương	DH18NL		1,5	1,0	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
11	18153009	Ngô Mạnh	Cường	DH18CD		1,0	1,0	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
12	18153013	Nguyễn Văn	Dư	DH18CD		1,5	1,0	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
13	18153012	Trần Tấn	Đạt	DH18CD		1,0	0,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
14	18153014	Bùi Hữu	Đức	DH18CD		1,5	1,0	4,0	6,5	0012345678910	0123456789
15	18153017	Nguyễn Bảo	Giang	DH18CD		1,5	1,0	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
16	18153018	Lê Thanh	Hải	DH18CD		1,3	1,0	5,5	7,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02120

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_05

Tổ Thi 001_DH18CD_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18154035	Dương Trọng	Hiếu	DH18OT		1,5	1,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
18	18137017	Huỳnh Thanh	Hiếu	DH18NL		1,3	1,0	5,0	7,3	0012345678910	0123456789
19	18153021	Nguyễn Trung	Hiếu	DH18CD		1,5	0,8	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
20	18153022	Nguyễn Văn Minh	Hiếu	DH18CD		0,3	0,0	0,5	0,8	0012345678910	0123456789
21	18154038	Lê Thanh	Hòa	DH18OT		1,5	0,5	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
22	18153024	Nguyễn Phúc	Hòa	DH18CD		1,0	0,8	0,5	2,3	0012345678910	0123456789
23	18153025	Phạm Ngọc	Hòa	DH18CD	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
24	18153026	Đoàn Ngọc	Hoàng	DH18CD		1,25	1,0	5,25	7,5	0012345678910	0123456789
25	18153027	Trần Ngọc	Hùng	DH18CD		1,3	1,0	4,0	6,3	0012345678910	0123456789
26	18153030	Huỳnh Minh	Kha	DH18CD		1,5	0,8	1,0	3,3	0012345678910	0123456789
27	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh	Khang	DH18CD		1,0	0,8	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
28	15137071	Nguyễn Duy	Khanh	DH15NL		1,5	0,5	1,0	3,0	0012345678910	0123456789
29	18153036	Trần Việt	Khoa	DH18CD		1,5	1,0	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
30	18153037	Nguyễn Minh	Khôi	DH18CD		0,0	0,0	3,0	3,0	0012345678910	0123456789
31	18153038	Lê Trọng	Lâm	DH18CD		1,5	1,0	2,5	5,0	0012345678910	0123456789
32	18153039	Trần Cao	Linh	DH18CD		1,5	0,8	3,5	5,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02120

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_05

Tổ Thi 001_DH18CD_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153041	Lâm Hoàng	Long	DH18CD	Y	1,5	0,8	6,5	8,8	0012345678910	0123456789
34	18153042	Lưu Hoàng	Long	DH18CD	Lưu	1,5	0,8	2,0	4,3	0012345678910	0123456789
35	18153043	Nguyễn Thành	Long	DH18CD	Nguyễn	1,5	0,5	0,3	2,3	0012345678910	0123456789
36	18153045	Võ Hoàng	Luân	DH18CD	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
37	18153047	Huỳnh Minh	Mẫn	DH18CD	huỳnh	1,25	1,0	2,25	4,5	0012345678910	0123456789
38	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	DH18CD	Nguyễn	0,5	1,0	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
39	18153050	Nguyễn Minh	Nhật	DH18CD	Nguyễn	1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
40	18153053	Nguyễn Công Xuân	Phú	DH18CD	phú	1,5	1,0	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
41	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD	Nguyễn	1,5	1,0	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
42	18153056	Nguyễn Đăng	Quang	DH18CD	Nguyễn	1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
43	18153057	Trần Minh	Quang	DH18CD	(cấm thi)					0012345678910	0123456789
44	18153058	Trần Minh	Quang	DH18CD	Trần	1,5	1,0	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
45	18153060	Phạm Thanh	Quel	DH18CD	Phạm	1,5	1,0	3,0	5,5	0012345678910	0123456789
46	18153061	Mai Diệp	Quốc	DH18CD	Quốc	0,5	0,5	2,3	3,3	0012345678910	0123456789
47	17118091	Hoàng Kim	Son	DH17CK						0012345678910	0123456789
48	18153063	Tôn Thế Trung	Son	DH18CD						0012345678910	0123456789

Mã nhân dạng 02120

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Động học và động lực học cơ cấu(207141

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CD_05

Tô Thi 001_DH18CD_05

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 24/12/2019

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 15%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD	<i>Tcw</i>	0,5	1,0	1,5	3,0		0012345678910	0123456789
50	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD	<i>Tây</i>	1,5	0,5	1,3	3,3		0012345678910	0123456789
51	15154058	Lê Đoàn Trường	DH15OT	<i>Trường</i>	0,25	0,0	1,75	2,0		0012345678910	0123456789
52	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD	<i>Thuận</i>	1,5	1,0	3,0	5,5		0012345678910	0123456789
53	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD	<i>Trí</i>	1,5	1,0	2,5	5,0		0012345678910	0123456789
54	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK	<i>Triệu</i>	0,75	0,5	3,75	5,0		0012345678910	0123456789
55	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD	<i>Trục</i>	1,5	0,75	1,75	4,0		0012345678910	0123456789
56	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD	<i>Tùng</i>	1,5	0,5	2,0	4,0		0012345678910	0123456789
57	18153083	Phạm Khải Tường	DH18CD	<i>Tường</i>	1,5	1,0	3,0	5,5		0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 53 Số sinh viên vắng 4

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 02/12/2019

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích

TS. Vương Thành Tiên

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi(207204

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CC_01

Tổ Thi 001_DH16CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi HD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118011	Tôn Thế	Anh	DH16CC			10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
2	16118036	Trần Nguyễn Hải	Dương	DH16CC			9,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
3	16118046	Nguyễn Ngọc	Hải	DH16CC			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
4	16118067	Trần Quang	Huy	DH16CC			10	9	9,2	0012345678910	0123456789
5	16118074	Đỗ Minh	Khôi	DH16CC			10	10	10	0012345678910	0123456789
6	16118086	Nguyễn Đại	Lộ	DH16CC			10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
7	15118067	Nguyễn Hoài	Nam	DH15CC			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
8	16118123	Nguyễn Tông	Quân	DH16CC			9	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
9	16118128	Lê Đức	Quy	DH16CC			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
10	16118132	Huỳnh	Son	DH16CC			10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
11	16118135	Nguyễn Văn	Son	DH16CC			10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
12	16118146	Hoàng Văn	Thành	DH16CC			10	9	9,2	0012345678910	0123456789
13	16118143	Hà Văn	Thắng	DH16CC			10	9	9,2	0012345678910	0123456789
14	16118189	Nguyễn Anh	Tuấn	DH16CC			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
15	16118171	Đoàn Đình	Văn	DH16CC			10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
16	16118178	Phan Hoàng	Vũ	DH16CC			10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02138

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi(2072) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH16CC_01 Tô Thi 001_DH16CC_01 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 28/12/2019 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi HD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 06 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Handwritten signature: Lê Văn Tuấn

Handwritten signature: Ngô Thị Phương Thảo

Handwritten signature: TS. Bùi Ngọc Hùng

Handwritten signature: Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02140

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Máy và thiết bị thủy khí(207215)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CC_01**

Tổ Thi **001_DH17CC_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Nghị**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **TV202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118004	Lương Tử Anh	DH17CC			30%				● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC	Bien		10		4,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
3	17118013	Lai Hàm	DH17CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC	Dan		10		6,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
5	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC	Minh		8,0		3,0	4,5	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	17118033	Lê Minh Hiệp	DH17CC	Hiep		7,0		3,0	4,2	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
8	17118035	Nguyễn Minh Hiếu	DH17CC	Hieu		7,0		9,5	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
9	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC	Long		6,0		5,0	5,3	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
10	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	17118043	Hồng Cẩm Huy	DH17CC	Huy		10		6,5	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
12	17118045	Nguyễn Phát Huy	DH17CC	Phat		2,0		5,0	4,1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
13	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC	Hung		5,0		5,0	5,0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	13118022	Trần Anh Kiệt	DH13CC							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC	Linh		5,0		4,5	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
16	17118057	Nguyễn Văn Lương	DH17CC	Luong		5,0		1,0	2,2	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02140

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy và thiết bị thủy khí(207215)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118067	Lý Thái Nguyên	DH17CC			6,0		6,5	6,4	0012345678910	0123456789
18	17118068	Huỳnh Lê Nhân	DH17CC			8,0		10	9,4	0012345678910	0123456789
19	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC			10		5,0	6,5	0012345678910	0123456789
20	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			8,0		6,5	7,0	0012345678910	0123456789
21	17118071	Phạm Long Nhật	DH17CC			5,0		6,5	6,1	0012345678910	0123456789
22	17118073	Nguyễn Minh Nhựt	DH17CC			5,0		5,0	5,0	0012345678910	0123456789
23	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC			5,0		1,0	2,2	0012345678910	0123456789
24	17118077	Bùi Thanh Phong	DH17CC			5,0		4,0	4,3	0012345678910	0123456789
25	17118079	Đặng Nguyên Hoài Phú	DH17CC			9,0		5,0	6,2	0012345678910	0123456789
26	17118081	Ngô Hoàng Phúc	DH17CC			8,0		4,0	5,2	0012345678910	0123456789
27	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC			6,0		8,5	7,8	0012345678910	0123456789
28	15118084	Bùi Quốc Qui	DH15CC			10		6,0	7,2	0012345678910	0123456789
29	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC			5,0		5,5	5,4	0012345678910	0123456789
30	17118097	Lê Quốc Tân	DH17CC			5,0		7,0	6,4	0012345678910	0123456789
31	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC			5,0		6,0	5,7	0012345678910	0123456789
32	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			5,0		6,5	6,1	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02140

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Máy và thiết bị thủy khí(207215)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_01

Tổ Thi

001_DH17CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Nghị

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV202

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			5,0		1,0	2,2	0010345678910	0103456789
34	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			5,0		2,0	2,9	0010345678910	0123456780
35	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			5,0		5,0	5,0	0012345678910	0123456789
36	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			10		9,0	9,3	0012345678910	0120456789
37	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			8,0		8,5	8,4	0012345678910	0123056789
38	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			8,0		5,0	5,9	0012345678910	0123456780
39	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			5,0		1,0	2,2	0010345678910	0103456789
40	17118135	Đặng Năng San	DH17CC			0,0		1,0	0,7	0012345678910	0123456089
41	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			7,0		7,0	7,0	0012345678910	0123456789
42	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC			7,0		10	9,1	0012345678910	0023456789
43	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			6,0		3,5	4,3	0012345678910	0120456789

Số sinh viên dự thi 37. Số sinh viên vắng 5.

Ngày 10 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày thi 02/12/2019

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

TS. Nguyễn Thanh Nghị



Mã nhận dạng 00642

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 60%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC			7,5	6,5		6,9	0012345678910	0123456789
2	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC			9,5	9		9,2	0012345678910	0123456789
3	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			10	9		9,4	0012345678910	0123456789
4	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC			9,5	8		8,6	0012345678910	0123456789
5	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			8	6,5		7,1	0012345678910	0123456789
6	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			10	9		9,4	0012345678910	0123456789
7	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC			8,5	7,5		7,9	0012345678910	0123456789
8	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
9	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
10	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC			7	6		6,4	0012345678910	0123456789
11	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC			10	7		8,2	0012345678910	0123456789
12	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC			8	7		7,4	0012345678910	0123456789
13	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC			9,5	7,5		8,3	0012345678910	0123456789
14	16118080	Bùi Lâm	DH16CC			8	7		7,4	0012345678910	0123456789
15	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC			10	9		9,4	0012345678910	0123456789
16	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
17	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC			8,5	7,5		7,9	0012345678910	0123456789
18	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC			7	6,5		6,7	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
19	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC	Phong		10	7		8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
20	16118119	Đinh Đình Hoài Phúc	DH16CC	Phúc		9,5	8,5		8,9	○○○1234567●910	○12345678●
21	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC	Ph		10	6,5		7,9	○○○123456●8910	○12345678●
22	16118122	Ngô Văn Nu Phương	DH16CC	Ph		9,5	6,5		7,7	○○○123456●8910	○123456●89
23	16118123	Nguyễn Tông Quân	DH16CC	X						○○○12345678910	○123456789
24	16118128	Lê Đức Quy	DH16CC	Quy		10	8,5		9,1	○○○12345678●10	○●23456789
25	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC	S		10	7,5		8,5	○○○1234567●910	○1234●6789
26	16118134	Nguyễn Duy Sơn	DH16CC	Son		10	8,5		9,1	○○○12345678●10	○●23456789
27	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC	Son		8	7		7,4	○○○123456●8910	○123●56789
28	16118137	Dương Văn Tài	DH16CC	T		10	8,5		9,1	○○○12345678●10	○●23456789
29	16118146	Hoàng Văn Thành	DH16CC	T		10	9		9,4	○○○12345678●10	○123●56789
30	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC	T		10	8,5		9,1	○○○12345678●10	○●23456789
31	16118152	Đặng Thị Hòa Thuận	DH16CC	T		10	9		9,4	○○○12345678●10	○123●56789
32	16118159	Lê Văn Tinh	DH16CC	T		10	9		9,4	○○○12345678●10	○123●56789
33	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC	T		10	9		9,4	○○○12345678●10	○123●56789
34	16118164	Đào Thanh Tú	DH16CC	T		10	7		8,2	○○○1234567●910	○1●3456789
35	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC	T		9,5	8,5		8,9	○○○1234567●910	○12345678●
36	16118170	Võ Tường	DH16CC	T		10	8		8,8	○○○1234567●910	○1234567●9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: ĐA TK nhà máy CBNSTP (207218) - 01

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16118171	Đoàn Đình Văn	DH16CC			10	8		8,8	001234567●910	01234567●9
38	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			10	9		9,4	0012345678●10	0123●56789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 37

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

TS. Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02142



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137002	Nguyễn Công Bảo	DH18NL			10	0	2	2,2	0010345678910	0103456789
2	18137003	Bùi Hữu Bình	DH18NL			10	2,5	2,5	3,3	0012045678910	0120456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			10	6	2,5	4,3	0012305678910	0120456789
4	18137006	Bùi Văn Cương	DH18NL			10	8,5	6,5	7,5	0012345608910	0123406789
5	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			8	8,5	3,5	5,5	0012340678910	0123406789
6	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			10	8,5	9	9,0	0012345678010	0123456789
7	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			10	2,5	7	6,0	0012345078910	0123456789
8	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			10	5,5	9	8,1	0012345670910	0023456789
9	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			10	8	8,5	8,5	0012345670910	0123406789
10	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			10	8	6,5	7,3	0012345608910	0120456789
11	18137019	Trịnh Thế Hoan	DH18NL			10	8	9	8,8	0012345670910	0123456709
12	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			10	8	9	8,8	0012345670910	0123456709
13	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL			9	3	2,5	3,3	0012045678910	0120456789
14	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			8	3,5	2,5	3,4	0012045678910	0123056789
15	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			10	8,5	8,5	8,7	0012345670910	0123456089
16	18137028	Cao Tấn Nam	DH18NL			9	5,5	7	6,8	0012345078910	0123456709



Mã nhận dạng 02142

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137029	Nguyễn Huỳnh Nam	DH18NL			10	8	4	5,8	0012345678910	0123456789
18	18137030	Trần Duy Nhật	DH18NL			8	2,5	8	6,4	0012345678910	0123456789
19	18137031	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			10	3	6	5,5	0012345678910	0123456789
20	18137032	Nguyễn Thành Phát	DH18NL			10	0	6	4,6	0012345678910	0123456789
21	18137034	Dương Văn Phong	DH18NL			10	7,5	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
22	18137035	Võ Hồng Phú	DH18NL			10	1,5	8	6,3	0012345678910	0123456789
23	18137036	Nguyễn Đình Anh Quang	DH18NL			10	8	6	7,0	0012345678910	0123456789
24	18137037	Phan Hữu Quý	DH18NL			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
25	18137039	Phạm Trương Quang Tân	DH18NL			10	8,5	7	7,8	0012345678910	0123456789
26	18137040	Cao Hoàng Thiện	DH18NL			10	9	8	8,5	0012345678910	0123456789
27	18137041	Trần Văn Thọ	DH18NL			10	6,5	3,5	5,1	0012345678910	0123456789
28	18137043	Nguyễn Văn Trí	DH18NL			10	8,5	10	9,6	0012345678910	0123456789
29	18137044	Cao Khánh Trúc	DH18NL			10	9	5,5	7,0	0012345678910	0123456789
30	18137045	Nguyễn Đỗ Trung	DH18NL			10	1,5	6	5,1	0012345678910	0123456789
31	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL			10	5,5	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
32	18137047	Hồng Nguyễn Phi Trường	DH18NL			10	6	3	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02142

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Nhiệt động lực học kỹ thuật(207220)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_01**

Tổ Thi **001_DH18NL_01**

Tên CBGD **Lê Anh Đức**

Ngày Thi **25/12/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137101	Phạm Văn	Vĩ			10	4,5	3	4,2	0012345678910	0123456789
34	18137049	Lê Kim	Vinh			10	3,5	10	9,3	0012345678910	0123456789
35	18137050	Nguyễn Thị	Yến			10	10	10	10	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 35. Số sinh viên vắng ...0.

Ngày 9 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng



Mã nhận dạng 03865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 208240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn	Anh	Anh			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng	Ân	Anh			10	9	9,2	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái	Ban	Ban			10	8	8,4	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình	Bảo	Bảo			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc	Bảo	Bao			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
6	19118013	Nguyễn Tiểu	Bảo	Bao			10	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
7	19118016	Nguyễn Văn	Ca	Ca			10	3	4,4	0012345678910	0123456789
8	19118017	Đỗ Tấn	Cảnh	Cảnh			10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
9	19118018	Lê Minh	Cảnh	Ca			10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
10	19118020	Nguyễn Đoàn Công	Chiến	chiến			10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
11	19118024	Đậu Thành	Công	công			10	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
12	19118026	Đinh Ngọc	Cường	CD			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
13	19118043	Huỳnh Quốc	Dũng	Dũng			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
14	19118044	Trần Nhật	Dũng	Dũng			10	3	4,4	0012345678910	0123456789
15	19118048	Dương Hoàng	Duy	Duy			10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
16	19118049	Huỳnh Khánh	Duy	Duy			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quĩ

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118051	Phan Phúc	Duy	Duy			9	5	5,8	0012345678910	0123456789
18	19118046	Nguyễn Văn	Dương	Dương			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
19	19118032	Trần Tiến	Đạo	Đạo			10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
20	19118033	Lê Tiến	Đạt	Đạt			10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
21	19118035	Nguyễn Mai Quốc	Đạt	Đạt			8	5	5,6	0012345678910	0123456789
22	19118036	Nguyễn Thành	Đạt	Đạt			10	4,5	5,6	0012345678910	0123456789
23	19118037	Phạm Thế	Đạt	Đạt			10	5	6,0	0012345678910	0123456789
24	19118039	Bùi Ngọc	Điệp	Điệp			10	4	5,2	0012345678910	0123456789
25	19118041	K'	Đông	Đông			10	4	5,2	0012345678910	0123456789
26	19118055	Lê Tấn	Hải	Hải			10	9	9,2	0012345678910	0123456789
27	19118057	Huỳnh Gia	Hào	Hào			10	8	8,4	0012345678910	0123456789
28	19118059	Nguyễn Chí	Hào	Hào			10	5	6,0	0012345678910	0123456789
29	19118060	Dương Trung	Hậu	Hậu			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
30	19118061	Lê Lý	Hậu	Hậu			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
31	19118074	Ngô Minh	Hoàng	Hoàng			10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
32	19118077	Phạm Văn	Hoàng	Hoàng			10	4,5	5,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tin Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118079	Trần Lê Phúc	HỘI	DH19CC			10	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
34	19118085	Đặng Minh	Huy	DH19CC			9	10	9,8	0012345678910	0123456789
35	19118087	Đỗ Quốc	Huy	DH19CC			10	5	6,0	0012345678910	0123456789
36	19118089	Huỳnh Anh	Huy	DH19CK						0012345678910	0123456789
37	19118091	Ngô Sang	Huy	DH19CC			10	8	8,4	0012345678910	0123456789
38	19118094	Nguyễn Nam	Huy	DH19CC			10	9	9,2	0012345678910	0123456789
39	19118095	Nguyễn Quang	Huy	DH19CC			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
40	19118082	Nguyễn Cao	Hưng	DH19CC			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
41	19118084	Trần Trọng	Hữu	DH19CC			10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
42	19118101	Lê Duy	Kha	DH19CC			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
43	19118102	Nguyễn Văn	Khá	DH19CC			10	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
44	19118103	Mai Hoàng	KHải	DH19CC			10	9	9,2	0012345678910	0123456789
45	19118104	Nguyễn Chí	KHải	DH19CC			10	8	8,4	0012345678910	0123456789
46	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	DH19CC			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03865

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quĩ** Số Tín Ch **1**
Nhóm Thi **DH19CC_01** Tổ Thi **001_DH19CC_01** Tên CBGD **Lê Anh Đức**
Ngày Thi **25/12/2019** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **CT101**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 45 Số sinh viên vắng A....

Ngày 6 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

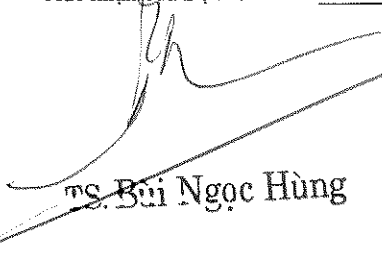
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

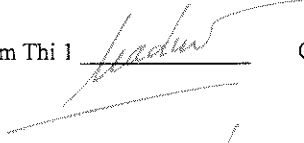
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Phan Minh Binh


Ngô Thị Phương Thảo


TS. Bùi Ngọc Hùng


Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02151

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 208240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118105	Lý Nhât	Khang	DH19CC			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
2	19118107	Phạm Vinh	Khang	DH19CC			10	2,5	4,0	0012345678910	0123456789
3	19118110	Lâm Hào	Khôn	DH19CC			10	8	8,4	0012345678910	0123456789
4	19118115	Phù Thiết	Ki	DH19CC			9	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
5	19118116	Lâm Văn	La	DH19CC			10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
6	19118117	Nguyễn Trường	Lâm	DH19CC			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
7	19118122	Đinh Kỳ	Linh	DH19CC			10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
8	19118125	Nguyễn Văn	Linh	DH19CC			10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
9	19118131	Lê Hoàng	Long	DH19CC			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
10	19118133	Trần Hữu Khánh	Luân	DH19CC			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
11	19118134	Lý Kim	Luân	DH19CC			10	5	6,0	0012345678910	0123456789
12	19118135	Trần Hữu	Luân	DH19CC			10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
13	19118140	Nguyễn Hoàng	Mạnh	DH19CC			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
14	19118139	Đinh Minh	Mẫn	DH19CC			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
15	19118145	Nguyễn Văn	Minh	DH19CC			10	3	4,4	0012345678910	0123456789
16	19118146	Thạch	Minh	DH19CC			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02151



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quĩ

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 25/12/2019

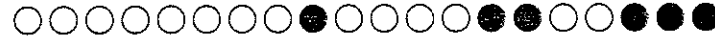
Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118150	Nguyễn Hoài	Nam	DH19CC	<i>Now</i>		10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
18	19118154	Phạm Minh	Nghĩa	DH19CC	<i>nghe</i>		10	8	8,4	0012345678910	0123456789
19	19118159	Đinh Quang	Nguyễn	DH19CC						0012345678910	0123456789
20	19118160	Trần Bá	Nguyễn	DH19CC	<i>tr</i>		10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
21	19118161	Lê Dương Thiện	Nhân	DH19CC	<i>R</i>		10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
22	19118162	Nguyễn Duy Trọng	Nhân	DH19CC	<i>du</i>		10	6	6,8	0012345678910	0123456789
23	19118163	Phạm Trọng	Nhân	DH19CC	<i>pham</i>		10	6	6,8	0012345678910	0123456789
24	19118164	Trần Thanh	Nhân	DH19CC	<i>thet</i>		10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
25	19118170	Nguyễn Hoàng	Ninh	DH19CC	<i>nh</i>		10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
26	19118173	Bùi Trung	Phong	DH19CC	<i>phong</i>		10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
27	19118177	Nguyễn Trường	Phong	DH19CC	<i>tr</i>		7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
28	19118178	Phạm Hoàng	Phong	DH19CC	<i>ph</i>		10	6	6,8	0012345678910	0123456789
29	19118179	Nguyễn Lê	Phú	DH19CC	<i>lê</i>		10	9	9,2	0012345678910	0123456789
30	19118182	Lê Đình	Phước	DH19CC	<i>phước</i>		10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
31	19118188	Bùi Nguyễn	Quang	DH19CC	<i>qu</i>		10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
32	19118185	Nguyễn Hoàng	Quân	DH19CC	<i>ho</i>		10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02151

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo vệ

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118186	Nguyễn Ngọc Quân	DH19CC				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
34	19118195	Phạm Thành Sang	DH19CC				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
35	19118201	Nguyễn Tuấn Tài	DH19CC				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
36	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC				9	5,5	6,2	0012345●78910	01●3456789
37	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC				10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
38	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
39	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
40	19118217	Phan Trung Thành	DH19CC				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
41	19118218	Lê Thế Thảo	DH19CC				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
42	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC				10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
43	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
44	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC				10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
45	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC				10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
46	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC				10	9,5	9,6	0012345678●10	012345●789
47	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
48	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC				10	7	7,6	00123456●8910	012345●789



Mã nhận dạng 02151

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

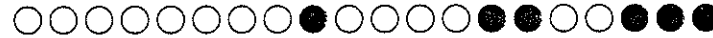
Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118238	Trần Minh	Tiến				9	4	5,0	0012345678910	0123456789
50	19118243	Nguyễn Tấn	Tịnh				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
51	19118244	Nguyễn Phúc	Toại				10	5	6,0	0012345678910	0123456789
52	19118246	Nguyễn Văn	Toàn				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
53	19118247	Trương Hữu	Toàn				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
54	19118245	Nguyễn Văn	Toán				10	6	6,8	0012345678910	0123456789
55	19118251	Trần Thị Thiên	Trang				10	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
56	19118250	Huỳnh Trần Bảo	Trần				10	8	8,4	0012345678910	0123456789
57	19118254	Huỳnh Như	Trọng				10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
58	19118255	Ngô Thanh	Trung				10	5	6,0	0012345678910	0123456789
59	19118258	Vũ Đình	Trung				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
60	19118260	Nguyễn Nhật	Trường				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
61	19118262	Thái Văn	Trường				10	7	7,6	0012345678910	0123456789
62	19118265	Dương Hữu	Tuấn				9	5	5,8	0012345678910	0123456789
63	19118268	Trần Nguyễn Anh	Tuấn				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
64	19118269	Trần Nguyễn Đức	Tuấn				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02151

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118263	Võ Văn	Tư	Tư			10	7	7,6	0012345678910	0123456789
66	19118277	Vũ Quang	Vinh							0012345678910	0123456789
67	19118278	Phan Văn	Vinh	Vinh			9	5	5,8	0012345678910	0123456789
68	19118279	Bùi Bá	Vũ	Ba			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
69	19118280	Nguyễn Hoàng	Vũ	Vu			10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
70	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	Yên	Phu			10	6	6,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 8 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS Bùi Ngọc Hùng

Lê Anh Đức

Ngày in : 03/12/2019

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Anh văn kỹ thuật(207300)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Đặng Hữu Dũng**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV301**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 22 %	Đ2 22 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc	Anh	DH17CD		1,8	1,4	3,5	6,7	0012345678910	0123456789
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	Bình	DH17CC		0,3	0,7	2,8	3,8	0012345678910	0123456789
3	17138002	Trần Thanh	Bình	DH17TD		1,4	0,6	2,7	4,7	0012345678910	0123456789
4	17154006	Nguyễn Lê Quỳnh	Châu	DH17OT		1,7	1,3	4,2	7,2	0012345678910	0123456789
5	17138004	Lê Mạnh	Cường	DH17TD		1,6	0,5	2,4	4,5	0012345678910	0123456789
6	17138005	Mai Hùng	Cường	DH17TD		1,4	0,6	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
7	17138006	Nguyễn Mạnh	Cường	DH17TD		1,4	0,3	2,4	4,1	0012345678910	0123456789
8	17153017	Nguyễn Hồng	Dung	DH17CD		1,7	0,7	2,5	4,9	0012345678910	0123456789
9	17138011	Nguyễn Đình Quốc	Dũng	DH17TD		1,6	0,3	0,8	2,7	0012345678910	0123456789
10	17154022	Đình Nguyễn Đình	Duy	DH17OT		1,5	1,2	3,1	5,8	0012345678910	0123456789
11	16137022	Nguyễn Trần	Duy	DH16NL						0012345678910	0123456789
12	17154018	Trần Thế	Dư	DH17OT		1,5	0,9	1	3,4	0012345678910	0123456789
13	17118025	Nguyễn Mậu	Dương	DH17CC		1,5	0,6	2	4,1	0012345678910	0123456789
14	17138008	Nguyễn Hữu	Đan	DH17TD		1,6	0,7	2,1	4,4	0012345678910	0123456789
15	17154013	Phạm Thành	Đạt	DH17OT		1,8	1,2	2,4	5,4	0012345678910	0123456789
16	17154014	Trần Văn	Đạt	DH17OT		1,7	0,7	2,9	5,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02153

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 001_DH17TD_01

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thiết	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137014	Đào Đôn	Điện	Đào Đôn		1,4	0,7	3,1	5,2	0012345678910	0123456789
18	17154016	Nguyễn Khoa	Điện	Nguyễn Khoa		1,8	1,5	3,4	6,7	0012345678910	0123456789
19	17153016	Nguyễn Trung	Đức	Nguyễn Trung		1,1	2,7	2,7	4,5	0012345678910	0123456789
20	17154025	Hồ Việt	Hải	Hồ Việt		1,6	0,7	1,3	3,6	0012345678910	0123456789
21	17154026	Tiết Huỳnh Ngọc	Hải	Tiết Huỳnh Ngọc		1,4	0,5	2,4	4,3	0012345678910	0123456789
22	18454004	Trần Ngọc	Hải	Trần Ngọc		1,6	1	0,9	3,5	0012345678910	0123456789
23	17153027	Lê Trung	Hậu	Lê Trung		1,7	1	3,6	6,3	0012345678910	0123456789
24	18454007	Huỳnh Ngọc	Hiếu	Huỳnh Ngọc		1,4	1,1	1,7	4,2	0012345678910	0123456789
25	17138019	Trần Minh	Hiếu	Trần Minh		1,3	0,5	2,6	4,4	0012345678910	0123456789
26	17138020	Trịnh Minh	Hiếu	Trịnh Minh		1,6	0,5	2,6	4,7	0012345678910	0123456789
27	14138012	Nguyễn Duy	Hoàng	Nguyễn Duy		1,1	0,6	2,3	4	0012345678910	0123456789
28	17138021	Nguyễn Đình	Hồ	Nguyễn Đình		1,5	0,3	1,5	3,3	0012345678910	0123456789
29	17154034	Nguyễn Tấn	Hùng	Nguyễn Tấn		1,6	0,7	3,1	5,4	0012345678910	0123456789
30	17154035	Nguyễn Thanh	Hùng	Nguyễn Thanh		1,4	0,2	1,1	2,7	0012345678910	0123456789
31	17154036	Hà Quang	Huy	Hà Quang		1,8	1,5	2,9	6,2	0012345678910	0123456789
32	17118043	Hồng Cẩm	Huy	Hồng Cẩm		1,8	1,1	2,7	5,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02153

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25 %	Đ2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			1,1	0,8	2,3	4,6	0012345678910	0123456789
34	17138023	Bùi Quang Khải	DH17TD			1	0,9	2,2	4,1	0012345678910	0123456789
35	17154038	Lê Tuấn Khang	DH17OT			1,6	0,2	1	2,8	0012345678910	0123456789
36	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			1,5	0,4	1,7	3,6	0012345678910	0123456789
37	17154042	Nguyễn Quốc Khánh	DH17OT			1,1	0,1	0,8	2	0012345678910	0123456789
38	17154043	Nguyễn Văn Khánh	DH17OT			1,6	1,1	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
39	17153038	Nguyễn Tiến Khoa	DH17CD			1,6	0,8	3	5,4	0012345678910	0123456789
40	17154045	Trần Đăng Khoa	DH17OT			1,7	1,1	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
41	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD							0012345678910	0123456789
42	17138028	Nguyễn Vũ Minh Khôi	DH17TD			1,5	1,6	3,6	6,7	0012345678910	0123456789
43	17154047	Phạm Tấn Kiệt	DH17OT			1,4	0,2	1	2,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4. Số sinh viên vắng 0.2

Ngày 08 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in 03/12/2019



Mã nhận dạng 02154

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 002_DH17TD_01

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thiếu	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154049	Phan Thanh	Liên	DH17OT					/	0012345678910	0123456789
2	17137044	Cao	Long	DH17NL	Long	2,5	0,4	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
3	17138030	Phan Nguyễn Hoàng	Long	DH17TD	Long	1,8	1,2	4	6,9	0012345678910	0123456789
4	17154051	Chiêm Phước	Lộc	DH17OT	W	1,6	1,2	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
5	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	Lộc	DH17NL	Ngô	1	0	0,5	1,5	0012345678910	0123456789
6	17154053	Phan Tấn	Lộc	DH17OT	Phan	1,5	0,4	1,2	3,1	0012345678910	0123456789
7	17137043	Trương Đức	Lộc	DH17NL	Đức	1,3	0,2	0,9	2,4	0012345678910	0123456789
8	17138031	Trương Công	Lực	DH17TD					/	0012345678910	0123456789
9	17154056	Nguyễn Văn	Mạnh	DH17OT	Mạnh	1,6	0,9	2,6	5,1	0012345678910	0123456789
10	17138033	Lê Nguyễn Hoài	Nam	DH17TD	Kp	1,3	0,3	1,3	2,9	0012345678910	0123456789
11	17138034	Tạ Đình	Nam	DH17TD	Đình	1,4	0,7	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
12	17153048	Lê Khánh	Nguyên	DH17CD	R	1,6	0,7	2,8	5,1	0012345678910	0123456789
13	17154058	Phạm Sĩ	Nguyên	DH17OT	Sĩ	1,4	0,8	1,6	3,8	0012345678910	0123456789
14	17154060	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DH17OT	Thanh	1,7	0,7	2,9	5,3	0012345678910	0123456789
15	17154062	Hồ Tấn	Nhân	DH17OT	Ho	1,5	0,7	1,9	4,1	0012345678910	0123456789
16	17154063	Lê Hoài	Nhân	DH17OT	Hoài	1,6	0,2	0,6	2,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02154

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_01

Tổ Thi 002_DH17TD_01

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV302

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi lý	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118079	Đặng Nguyên Hoài	Phú	DH17CC		1,5	8,5	2	4	0012345678910	0123456789
18	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	DH17CD		1,2	1	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
19	17118082	Nguyễn Hoàng	Phúc	DH17CC		1,8	1,6	4,1	7,5	0012345678910	0123456789
20	17154073	Đặng Hữu	Phước	DH17OT		1,2	1,1	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
21	17154075	Cao Việt	Quang	DH17OT		1,8	2,8	3,1	5,7	0012345678910	0123456789
22	17154074	Đỗ Trung	Quân	DH17OT		1,7	1,2	1,5	4,4	0012345678910	0123456789
23	18454018	Lê Minh	Quý	LT18OT		1,6	0,4	2,2	4,2	0012345678910	0123456789
24	17154078	Lê Thanh	Sơn	DH17OT		1,6	0,6	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
25	17154081	Phạm Trương Hồng	Sơn	DH17OT		0,4	0,1	0,3	9,8	0012345678910	0123456789
26	17154083	Châu Phước	Tài	DH17OT		1,2	0	0,8	2	0012345678910	0123456789
27	17138045	Nguyễn Thế	Tài	DH17TD		1,6	0,2	0,4	2,2	0012345678910	0123456789
28	17154088	Võ Văn	Thạch	DH17OT		1,4	1,4	3,7	6,5	0012345678910	0123456789
29	17154092	Dương Hữu	Thành	DH17OT		1	1,1	3,3	5,4	0012345678910	0123456789
30	17138048	Đỗ Lý Việt	Thắng	DH17TD		1,5	0,2	2,3	4	0012345678910	0123456789
31	17154090	Nguyễn Đình	Thắng	DH17OT		1,5	0,9	1,2	3,6	0012345678910	0123456789
32	17154091	Phạm Bá	Thắng	DH17OT		0,6	0,5	1,1	2,2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02154

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_01

Tô Thi

002_DH17TD_01

Tên CBGD

Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18454015	Huỳnh Ngọc Thịnh	LT18OT			1,5	1,4	2,4	5,3	0012345678910	0123456789
34	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			1,7	1,5	4,7	7,9	0012345678910	0123456789
35	17154102	Lê Cao Quốc	DH17OT			1,5	1,4	1,1	3	0012345678910	0123456789
36	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			1,7	2,7	2,8	4,2	0012345678910	0123456789
37	17154110	Lê Thị Thảo	DH17OT			1,7	1	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
38	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD			1,3	2,7	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
39	17138058	Nguyễn Đình Trọng	DH17TD			1,3	2,5	2,2	4	0012345678910	0123456789
40	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD			1,5	0,2	2,8	4,5	0012345678910	0123456789
41	17138060	Trương Tuấn	DH17TD			1,7	0,4	3,3	5,4	0012345678910	0123456789
42	18454012	Nguyễn Phan Tuấn	LT18OT			2,6	0,3	2,2	4,1	0012345678910	0123456789
43	17138063	Tạ Minh	DH17TD							0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 40 Số sinh viên vắng 3...

Ngày 08 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in 30/12/2019

Lê Khắc Quý

Nguyễn Văn Công Chính

Đặng Hữu Dũng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án điều hòa không khí (207414) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
2	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
3	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL						8,1	○○○1234567●910	○●23456789
4	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
5	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL						8,1	○○○1234567●910	○●23456789
6	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
7	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
8	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
9	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL						7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
10	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL						7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
11	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL						8,1	○○○1234567●910	○●23456789
12	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
13	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL						7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
14	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL						9	○○○12345678●10	●123456789
15	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL						8,1	○○○1234567●910	○●23456789
16	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL						7,2	○○○123456●8910	○1●3456789
17	16137032	Cao Nguyễn Gia Phụng Hoàng	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
18	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án điều hòa không khí (207414) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	16137039	Lê Hoàng Khang	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL						7,2	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
25	16137046	Lê Quang Lanh	DH16NL						8,1	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
26	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL						8,1	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
27	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL						7,2	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
28	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL						7,2	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
29	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	16137061	Cao Minh Phúc	DH16NL						8,1	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
31	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL						7,2	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
32	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL						8,1	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
36	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL						9	○ ○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án điều hòa không khí (207414) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
38	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
39	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
40	16137085	Phan Thanh Trọng	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
41	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
42	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL						4	○○○123●5678910	●123456789
43	16137092	Phan Văn Tú	DH16NL							●○○12345678910	○123456789
44	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL						5	○○○1234●678910	●123456789
45	16137095	Nguyễn Văn Tuấn	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
46	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL						5	○○○1234●678910	●123456789
47	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
48	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
49	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL						8,1	○○○1234567●910	○●23456789
50	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL						9	○○○12345678●10	●123456789
51	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL						6,3	○○○12345●78910	○12●456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

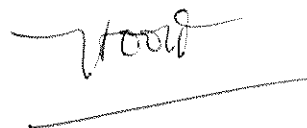
Cán bộ coi thi 2

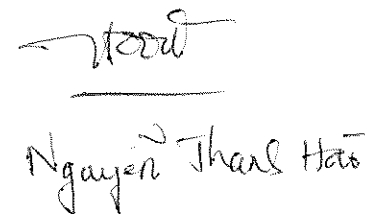
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2






Nguyễn Thanh Hào

Ngày in : 25/10/2019 15:11



Mã nhận dạng 00646

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

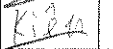
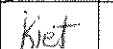
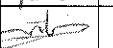
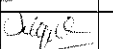
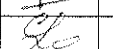
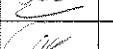
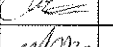
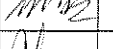
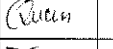
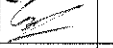
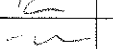
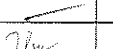
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789
2	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
3	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL			10	7		8,2	0012345678910	0123456789
4	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL			7	5,5		6,1	0012345678910	0123456789
5	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789
6	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
7	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
8	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL			10	7,5		8,5	0012345678910	0123456789
9	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			10	7,5		8,5	0012345678910	0123456789
10	16137014	Đào Đôn Diên	DH16NL			7	5,5		6,1	0012345678910	0123456789
11	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789
12	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
13	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL			9	8		8,4	0012345678910	0123456789
14	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL			8,5	7		7,6	0012345678910	0123456789
15	16137032	Cao Nguyễn Gia Phụng Hoàng	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789
16	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL			10	7,5		8,5	0012345678910	0123456789
17	16137037	Nguyễn Đức Huy	DH16NL			9,5	8,5		8,9	0012345678910	0123456789
18	16137039	Lê Hoàng Khang	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			10	8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
20	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL			10	8,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL			10	7,5		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
22	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL			9	8,8		8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦⑧●
23	16137046	Lê Quang Lanh	DH16NL			10	8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
24	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL			10	8,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL			8,5	7		7,6	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○○①②③④⑤●⑦⑧⑨
26	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL			9,5	9		9,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	16137061	Cao Minh Phúc	DH16NL			10	8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
28	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL			7	5,5		6,1	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL			10	8,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL			10	8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
31	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL			10	8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨
32	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL			9	8,5		8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥●⑧⑨
33	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL			10	8,5		9,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL			10	7		8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL			10	7,5		8,5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④●⑥⑦⑧⑨
36	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL			10	8		8,8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○○①②③④⑤⑥⑦●⑨



Mã nhận dạng 00646

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Đồ án thiết bị sấy (207415) - 03

CBGD: Lê Anh Đức (328)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 60 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL			7	5,5		6,1	0012345678910	0123456789
38	16137085	Phan Thanh Trọng	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789
39	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL			10	8,5		9,1	0012345678910	0123456789
40	16137092	Phan Văn Tú	DH16NL							0012345678910	0123456789
41	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789
42	16137095	Nguyễn Văn Tuấn	DH16NL			9,5	8,5		8,9	0012345678910	0123456789
43	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL			8,5	7		7,6	0012345678910	0123456789
44	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL			10	8		8,8	0012345678910	0123456789
45	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL			10	7,5		8,5	0012345678910	0123456789
46	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL			10	7		8,2	0012345678910	0123456789
47	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL			7,5	7		7,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 46

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Lê Anh Đức

Nguyễn Văn Công Chính

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02166

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Thiết bị lạnh(207416)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CK_01**

Tổ Thi **001_DH17CK_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **23/12/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD205**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK			7.0	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
2	16118026	Tổng Mạnh Cường	DH16CK			7.0	9.0	8.0	8.1	0012345678910	0123456789
3	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			7.0	8.0	6.0	6.8	0012345678910	0123456789
4	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			7.0	8.5	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
5	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			6.5	6.0	3.0	4.6	0012345678910	0123456789
6	17118028	Nguyễn Trần Minh Duy	DH17CK			7.0	6.0	0.0	3.2	0012345678910	0123456789
7	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK			0.0	0.0	0.0	0.0	0012345678910	0123456789
8	15118019	Nguyễn Tấn Đồng	DH15CK			6.5	6.0	0.0	3.1	0012345678910	0123456789
9	16118049	Nguyễn Văn Hào	DH16CK			8.0	9.0	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
10	17118036	Nguyễn Văn Hiệu	DH17CK			8.0	8.5	9.0	8.7	0012345678910	0123456789
11	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC			8.0	9.0	9.0	8.8	0012345678910	0123456789
12	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC			8.0	7.0	4.0	5.7	0012345678910	0123456789
13	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK			7.0	6.0	1.5	4.0	0012345678910	0123456789
14	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			8.0	6.0	2.0	4.4	0012345678910	0123456789
15	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK			7.0	6.0	6.0	6.2	0012345678910	0123456789
16	16118123	Nguyễn Tông Quân	DH16CC			4.0	6.0	7.0	6.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02166

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Thiết bị lạnh(207416)** Số Tin Ch **2**
 Nhóm Thi **DH17CK_01** Tổ Thi **001_DH17CK_01** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**
 Ngày Thi **23/12/2019** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **HD205**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK	<i>Sang</i>		8.0	9.0	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
18	14118236	Nguyễn Văn Sang	DH14CK			0.0	0.0	0.0	0.0	0012345678910	0123456789
19	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC	<i>Tấn</i>		8.0	8.0	7.5	7.8	0012345678910	0123456789
20	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK	<i>T thọ</i>		7.0	6.0	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
21	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK	<i>Tiến</i>		7.0	7.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
22	17118118	Kiều Trọng Tín	DH17CK	<i>Tín</i>		8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
23	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK	<i>Trí</i>		7.0	6.0	2.5	4.5	0012345678910	0123456789
24	17118125	Ngô Tùng Trung	DH17CK	<i>Trung</i>		7.0	6.5	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
25	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC	<i>Tru</i>		7.0	6.0	4.0	5.2	0012345678910	0123456789
26	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK	<i>Hu</i>		8.0	6.0	3.0	4.9	0012345678910	0123456789
27	17118137	Lê Đình Việt	DH17CK	<i>Viet</i>		8.0	8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
28	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC	<i>Vũ</i>		7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
29	17118142	Vô Tấn Vũ	DH17CK	<i>Vũ</i>		7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02166

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Thiết bị lạnh(207416)** Số Tin Ch **2**
Nhóm Thi **DH17CK_01** Tổ Thi **001_DH17CK_01** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**
Ngày Thi **23/12/2019** Giờ Thi **12:15** Phòng Thi **HD205**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 25 Số sinh viên vắng 4.

Ngày 31 Tháng 12 Năm 2019

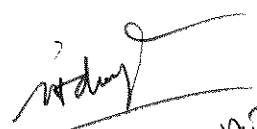
Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

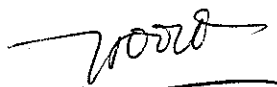
Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Thanh Dũng

Lê Văn Tuấn


N.T. Hào


Nguyễn Thanh Dũng



Mã nhận dạng 02169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Tủa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			10		7	7,3	001234568910	012456789
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			5		7	6,8	001234578910	012345679
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			10		5,5	6	001234578910	123456789
4	16137001	Nguyễn Chí Bào	DH16NL			10		6	6,4	001234578910	012356789
5	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			10		5,5	4,2	001235678910	013456789
6	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			5		3	3,2	001245678910	013456789
7	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL			5		4	4,1	001235678910	023456789
8	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			10		3	3,7	001245678910	012345689
9	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL			10		5	5,5	001234678910	012346789
10	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			10		6	6,4	001234578910	012356789
11	17137009	Nguyễn Vô Quốc Cường	DH17NL			5		6	5,9	001234678910	0123456789
12	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL			10		4	4,6	001235678910	012345789
13	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			10		8	8,2	001234567910	013456789
14	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL			10		7	7,3	001234568910	012456789
15	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			0		3	2,7	001345678910	012345689
16	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			10		4,5	5,1	001234678910	023456789



Mã nhận dạng 02169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Tọa bin hơi- khí(207420)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			10		8,5	8,7	001234567●910	0123456●89
18	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			10		8	8,2	001234567●910	01●3456789
19	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL			10		6,5	5,1	001234●678910	0●23456789
20	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL			10		5	5,5	001234●678910	01234●6789
21	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			10		4	4,6	00123●5678910	012345●789
22	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL			0,5		5	5	001234●678910	●123456789
23	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			10		8	8,2	001234567●910	01●3456789
24	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL			10		4	4,6	00123●5678910	012345●789
25	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			10		5	5,5	001234●678910	01234●6789
26	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			10		6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
27	16137030	Vô Trung Hiếu	DH16NL			10		4	4,6	00123●5678910	012345●789
28	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL			10		7	7,3	00123456●8910	012●456789
29	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL			10		4	4,6	00123●5678910	012345●789
30	17137025	Phạm Hữu Huy Hoàng	DH17NL			✓		✓	✓	●012345678910	0123456789
31	17137026	Phan Phước	DH17NL			10		4,5	5,1	001234●678910	0●23456789
32	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			10		4,5	5,1	001234●678910	0●23456789

Mã nhận dạng 02169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Tọa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi HD303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137022	Huỳnh Nhựt	Hồ	DH17NL	1	10		5	5,5	001234678910	012346789
34	17137028	Nguyễn	Huân	DH17NL		10		5	5,5	001234678910	012346789
35	16137036	Huỳnh Quang	Huy	DH16NL		V		V	V	0012345678910	0123456789
36	17137032	Trần Minh	Huy	DH17NL		10		9	9,1	001234567810	023456789
37	17137033	Phan Đình	Huỳnh	DH17NL		10		5	5,5	001234678910	012346789
38	17137030	Phạm Phi	Hưng	DH17NL		10		7	7,3	0012345678910	012456789
39	17137034	Đỗ Thích	Khang	DH17NL		5		8	6,8	001234578910	012345679
40	17137035	Đặng Quốc	Khánh	DH17NL		10		3	3,0	001245678910	012345689
41	17137036	Nguyễn Đăng	Khôi	DH17NL		10		5	5,5	001234678910	012346789
42	17137037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH17NL		0,5		8	7,7	0012345678910	012345689
43	16137045	Nguyễn Đình	Kỳ	DH16NL		0,5		6	5,9	001234678910	012345678
44	16137046	Lê Quang	Lanh	DH16NL		10		7	7,3	0012345678910	012456789
45	17137044	Cao	Long	DH17NL		10		5	5,5	001234678910	012346789
46	17137040	Hồ Quốc	Lộc	DH17NL		0,5		5	5	001234678910	123456789
47	17137041	Hồ Thanh	Lộc	DH17NL		10		6	6,4	001234578910	012356789
48	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	Lộc	DH17NL		10		3	3,7	001245678910	012345689

Mã nhận dạng 02169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Tọa độ - khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 25/12/2019

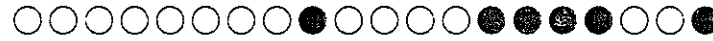
Giờ Thi 12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137043	Trương Đức	Lộc	DH17NL	18e	10		6	6,4	0012345678910	0123456789
50	17137045	Nguyễn Hoàng	Minh	DH17NL	Th	0,5		4	4,1	0012345678910	0123456789
51	17137046	Nguyễn Na	Na	DH17NL	Na	10		7,5	7,8	0012345678910	0123456789
52	17137050	Võ Tấn	Ngoan	DH17NL	Phung	10		4,5	5,1	0012345678910	0123456789
53	17137051	Phạm Nhật	Phong	DH17NL	Phu	0,5		6	5,9	0012345678910	0123456789
54	17137052	Nguyễn Tấn	Phúc	DH17NL	B	10		9	9,1	0012345678910	0123456789
55	17137056	Đàm Minh	Quang	DH17NL	Quang	10		7	7,3	0012345678910	0123456789
56	17137057	Trần Văn	Quang	DH17NL	Tr	10		7	7,3	0012345678910	0123456789
57	17137055	Nguyễn Nhật	Quân	DH17NL	Qu	10		7	7,3	0012345678910	0123456789
58	17137058	Ngô Thành	Quý	DH17NL	Go	10		7	7,3	0012345678910	0123456789
59	17137059	Phan Thị Thảo	Quyên	DH17NL	Ph	10		6	6,4	0012345678910	0123456789
60	16137066	Đông Ngọc	Son	DH16NL	Do	10		7	7,3	0012345678910	0123456789
61	17137060	Trần Ngọc	Son	DH17NL	SB	10		7,5	7,8	0012345678910	0123456789
62	17137061	Mai Trí	Tài	DH17NL	Ma	0,5		4,5	4,6	0012345678910	0123456789
63	17137062	Lê Thị Cẩm	Thạch	DH17NL	Le	10		6	6,4	0012345678910	0123456789
64	17137063	Võ Anh	Thi	DH17NL	V	10		8,5	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Tọa bin hơi- khí(207420)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17137064	Đỗ Duy	Thiện	<i>Đỗ Duy</i>		10		9	9,1	0012345678●10	0●23456789
66	17137065	Ngô Văn	Thịnh	<i>Ngô Văn</i>		10		9	9,1	0012345678●10	0●23456789
67	17137067	Nguyễn Công	Thức	<i>Nguyễn Công</i>		10		7	7,3	00123456●8910	012●456789
68	16137082	Dương Anh	Tiến	<i>Dương Anh</i>		10		8,5	8,8	001234567●910	0123456●89
69	17137068	Trần Hữu	Tin	<i>Trần Hữu</i>		10		6	6,4	0012345●78910	0123●56789
70	17137070	Hồ Thị Đài	Trang	<i>Hồ Thị Đài</i>		10		9	9,1	0012345678●10	0●23456789
71	17137071	Trần Thùy	Trang	<i>Trần Thùy</i>		10		8	8,2	001234567●910	01●3456789
72	16137083	Huỳnh Trần Minh	Trâm	<i>Huỳnh Trần Minh</i>		10		4,5	5,1	001234●678910	0●23456789
73	17137073	Nguyễn Hải	Triều	<i>Nguyễn Hải</i>		10		8	8,2	001234567●910	01●3456789
74	17137074	Lê Phước	Trọng	<i>Lê Phước</i>		10		8	8,2	001234567●910	01●3456789
75	16137085	Phan Thanh	Trọng	<i>Phan Thanh</i>		10		4	6,6	00123●5678910	012345●789
76	17137075	Lê Khắc	Trung	<i>Lê Khắc</i>		10		3	3,8	0012●45678910	0123456●89
77	16137093	Lê Văn	Tuấn	<i>Lê Văn</i>		10		5,5	6	0012345●78910	●123456789
78	16137096	Phạm Anh	Tuấn	<i>Phạm Anh</i>		10		8	8,2	001234567●910	01●3456789
79	16137098	Vũ Trần Đăng	Tuấn	<i>Vũ Trần Đăng</i>		10		7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9
80	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	Vân	<i>Lê Huỳnh Hoàng</i>		10		7,5	7,8	00123456●8910	01234567●9



Mã nhận dạng 02169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Tũa bin hơi- khí(207420)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Đức Khuyến

Ngày Thi 25/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD303

Trang 6

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
81	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			10		5	3,8	001245678910	012345689
82	17137079	Nguyễn An Hoàng	DH17NL			10		4	4,6	001235678910	012345789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 25 Tháng 12 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02170

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện(207425)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			10	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL							●012345678910	0123456789
3	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD			10	9	8	8,5	001234567●910	012345●6789
4	17153011	Nguyễn Minh Chiến	DH17CD			10	9	8	8,5	001234567●910	01234●6789
5	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			10	8	9	8,8	001234567●910	01234567●9
6	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			10	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
7	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			10	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
8	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			10	9	8	7,9	00123456●8910	012345678●
9	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL			10	9	7	7,9	00123456●8910	012345678●
10	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			10	9	7,5	8,2	001234567●910	01●3456789
11	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			10	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789
12	17137023	Mai Văn Hòa	DH17NL			10	8	8,5	8,5	001234567●910	01234●6789
13	17153032	Lê Nguyễn Huy	DH17CD			10	9	7,5	8,2	001234567●910	01●3456789
14	17153033	Trần Quang Huy	DH17CD			10	9	8	8,5	001234567●910	01234●6789
15	16137034	Nguyễn Nho Hưng	DH16NL			10	9	8	8,5	001234567●910	01234●6789
16	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			10	8	8	8,2	001234567●910	01●3456789



Mã nhận dạng 02170

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện(207425)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CD_01**

Tổ Thi **001_DH17CD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**

Ngày Thi **04/01/2020**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD305**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 12%	Đ2 80%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15137024	Vũ Quang	Hưng	DH15NL		10	7	8	7.9	0012345678910	0123456789
18	17153037	Ngô Tín	Khoa	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
19	17137036	Nguyễn Đăng	Khôi	DH17NL		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
20	17153039	Bùi Tuấn	Kiên	DH17CD		10	9	7.5	8.2	0012345678910	0123456789
21	17153042	Nguyễn Quang	Linh	DH17CD		10	9	7	7.9	0012345678910	0123456789
22	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
23	17153054	Dương Trung	Ninh	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
24	17137051	Phạm Nhật	Phong	DH17NL		10	8	8	8.2	0012345678910	0123456789
25	17153055	Trương Hoàng	Phong	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
26	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	DH17CD		10	5	6	7.3	0012345678910	0123456789
27	17153058	Nguyễn Hồng	Phúc	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
28	17153062	Phan Minh	Tâm	DH17CD						0012345678910	0123456789
29	17153066	Đào Minh	Thành	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
30	17153072	Nguyễn Hoàng	Toán	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789
31	16137092	Phan Văn	Tú	DH16NL						0012345678910	0123456789
32	17153078	Lê Văn	Tuấn	DH17CD		10	9	8	8.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02170

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi **Kỹ thuật năng lượng nhiệt điện(207425)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17CD_01** Tổ Thi **001_DH17CD_01** Tên CBGD **Nguyễn Đức Khuyến**
Ngày Thi **04/01/2020** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **HD305**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 6 Tháng 1 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

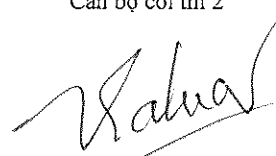
Cán bộ coi thi 2

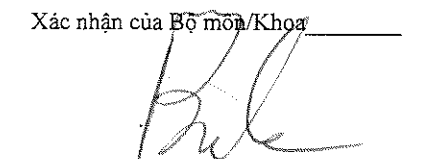
Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Đức Khuyến


Lê Văn Tuấn




Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 02171

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH17NL_01 Tổ Thi 001_DH17NL_01 Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào
Ngày Thi 23/12/2019 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			10	8,5	8	8,6	0012345678910	0123456789
2	17137002	Trương Quốc An	DH17NL			8,5	8	7	7,6	0012345678910	0123456789
3	17137003	Trịnh Tuấn Anh	DH17NL			5	8	7	6,9	0012345678910	0123456789
4	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL			6	8	5	6,1	0012345678910	0123456789
5	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			2	8	3	4,3	0012345678910	0123456789
6	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			2	8	1	3,3	0012345678910	0123456789
7	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			2	8	3	4,3	0012345678910	0123456789
8	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			2	8	5	5,3	0012345678910	0123456789
9	17137011	Phan Hữu Danh	DH17NL			10	8	7	7,9	0012345678910	0123456789
10	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			2	8	3	4,3	0012345678910	0123456789
11	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			10	8	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
12	17137016	Phan Lê Duy	DH17NL			10	9	8	8,7	0012345678910	0123456789
13	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			10	8,5	8	8,6	0012345678910	0123456789
14	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL			0	8	1	2,9	0012345678910	0123456789
15	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			7	8	10	8,8	0012345678910	0123456789
16	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			4	8	4	5,2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02171

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137020	Nguyễn Thành	Hiếu	DH17NL		7,5	8	5	6,4	0012345678910	0123456789
18	17137023	Mai Văn	Hòa	DH17NL		5	8,5	8	7,6	0012345678910	0123456789
19	17137025	Phạm Hữu Huy	Hoàng	DH17NL						0012345678910	0123456789
20	17137026	PhanPhước	Hoàng	DH17NL		2	8	5	5,3	0012345678910	0123456789
21	17137027	Từ Minh	Hoàng	DH17NL		0	8	1	2,9	0012345678910	0123456789
22	17137022	Huỳnh Nhựt	Hồ	DH17NL		0	8	1	2,9	0012345678910	0123456789
23	17137028	Nguyễn	Huân	DH17NL		0	8	0	2,4	0012345678910	0123456789
24	16137036	Huỳnh Quang	Huy	DH16NL						0012345678910	0123456789
25	15137028	Nguyễn Hữu Quang	Huy	DH16NL						0012345678910	0123456789
26	17137032	Trần Minh	Huy	DH17NL		6	8	7	7,1	0012345678910	0123456789
27	17137033	Phan Đình	Huỳnh	DH17NL		2	7,5	4	4,7	0012345678910	0123456789
28	17137030	Phạm Phi	Hùng	DH17NL		4	8	5	5,7	0012345678910	0123456789
29	17137034	Đỗ Thích	Khang	DH17NL		5	7,5	3	4,8	0012345678910	0123456789
30	17137035	Đặng Quốc	Khánh	DH17NL		4	8	2	4,2	0012345678910	0123456789
31	17137036	Nguyễn Đăng	Khôi	DH17NL		2	8	7	6,3	0012345678910	0123456789
32	17137037	Nguyễn Tuấn	Kiệt	DH17NL		2	8	8	6,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02171

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ
Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426) Số Tin Ch 3
Nhóm Thi DH17NL_01 Tổ Thi 001_DH17NL_01 Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào
Ngày Thi 23/12/2019 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17137044	Cao	Long	DH17NL			0	8	4	4,4	0012345678910	0123456789
34	17137040	Hồ Quốc	Lộc	DH17NL			2	8	8	6,8	0012345678910	0123456789
35	17137041	Hồ Thanh	Lộc	DH17NL			5	8	7	6,9	0012345678910	0123456788
36	17137042	Ngô Nguyễn Hữu	Lộc	DH17NL			2	8	1	3,3	0012345678910	0123456789
37	17137043	Trương Đức	Lộc	DH17NL			4	8	5	5,7	0012345678910	0123456789
38	16137049	Ngô Văn	Lợi	DH16NL			2	7	7	6,0	0012345678910	0123456789
39	17137045	Nguyễn Hoàng	Minh	DH17NL			0	8	5	4,9	0012345678910	0123456788
40	17137046	Nguyễn Na	Na	DH17NL			5	9	7	7,2	0012345678910	0123456789
41	17137050	Vô Tấn	Ngoan	DH17NL			2	8,5	5	5,5	0012345678910	0123456789
42	17137051	Phạm Nhật	Phong	DH17NL			4	9	5	6,0	0012345678910	0123456789
43	17137052	Nguyễn Tấn	Phúc	DH17NL			2	8,5	7	6,5	0012345678910	0123456789
44	17137056	Đàm Minh	Quang	DH17NL			0	8	4	4,4	0012345678910	0123456789
45	17137057	Trần Văn	Quang	DH17NL			0	8,5	6	5,6	0012345678910	0123456789
46	17137055	Nguyễn Nhật	Quân	DH17NL			8,5	8	5	6,6	0012345678910	0123456789
47	17137058	Ngô Thành	Quý	DH17NL			2	8	4	4,8	0012345678910	0123456789
48	17137059	Phan Thị Thảo	Quyên	DH17NL			5	9	6	6,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02171

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào

Ngày Thi 23/12/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17137060	Trần Ngọc Sơn	DH17NL			8	9	10	9,3	0012345678910	0123456789
50	17137061	Mai Trí Tài	DH17NL			0	8	0	2,4	0012345678910	0123456789
51	17137062	Lê Thị Cẩm	DH17NL			4	9	8	7,5	0012345678910	0123456789
52	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL			0	8,5	7	6,1	0012345678910	0123456789
53	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL			10	8	5	6,9	0012345678910	0123456789
54	17137065	Ngô Văn Thịnh	DH17NL			5	7,5	8	7,3	0012345678910	0123456789
55	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL			2	8	6	5,8	0012345678910	0123456789
56	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL			5	8	5	5,9	0012345678910	0123456789
57	17137070	Hồ Thị Đài Trang	DH17NL			4	8,5	8	7,4	0012345678910	0123456789
58	17137071	Trần Thùy Anh	DH17NL			10	9,5	10	9,9	0012345678910	0123456789
59	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			2	8	2	3,8	0012345678910	0123456789
60	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			4	8	5	5,7	0012345678910	0123456789
61	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			2	8	6	5,8	0012345678910	0123456789
62	17137075	Lê Khắc Trung	DH17NL			2	8	0	2,8	0012345678910	0123456789
63	16137092	Phan Văn Tú	DH16NL							0012345678910	0123456789
64	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL			5	8,5	8	7,6	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 02171

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật lạnh(207426) Số Tín Ch 3
 Nhóm Thi DH17NL_01 Tổ Thi 001_DH17NL_01 Tên CBGD Nguyễn Thanh Hào
 Ngày Thi 23/12/2019 Giờ Thi 12:15 Phòng Thi TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17115132	Lê Huỳnh Hoàng	Vân	DH17NL	40	2	9	5	5,6	0012345678910	0123456789
66	16137101	Phạm Văn	Vĩ	DH16NL	40	2	7,5	5	5,2	0012345678910	0123456789
67	17137077	Nguyễn Hoài	Vũ	DH17NL	40	2	8	5	5,3	0012345678910	0123456789
68	17137079	Nguyễn An Hoàng	Vương	DH17NL	40	0	8	2	3,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 64 Số sinh viên vắng 4..

Ngày 25 Tháng 12 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Hào Ngã v Ngã Thanh

Nguyễn Thanh Hào

Nguyễn Thanh Hào



Mã nhận dạng 02172

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Truyền nhiệt(207433)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17CKC_01

Tổ Thi

001_DH17CKC_01

Tên CBGD

Lê Anh Đức

Ngày Thi 28/12/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118156	Nguyễn Thành	Biên	DH17CKC				10	9	9,2	○0①2345678●10	○①●3456789
2	17118157	Nguyễn Thành	Đô	DH17CKC				10	7,5	8,0	○0①234567●910	●①23456789
3	17118160	Trần Á	Đông	DH17CKC				10	6	6,8	○0①2345●78910	○①234567●9
4	17118158	Đặng Thành	Hiếu	DH17CKC				10	7	7,6	○0①23456●8910	○①2345●789
5	17118162	Lê Trung	Hiếu	DH17CKC				10	6	6,8	○0①2345●78910	○①234567●9
6	17118164	Lê Gia	Hoàng	DH17CKC							○0①2345678910	○①23456789
7	17118161	Lê Minh	Hoàng	DH17CKC				10	9	9,2	○0①2345678●10	○①●3456789
8	17118165	Nguyễn Minh	Huy	DH17CKC				10	9	9,2	○0①2345678●10	○①●3456789
9	17118167	Huỳnh Văn	Khang	DH17CKC							○0①2345678910	○①23456789
10	17115069	Đặng Xuân	Minh	DH17CKC				10	7	7,6	○0①23456●8910	○①2345●789
11	17118146	Lê Nguyễn Mai	Phương	DH17CKC				10	7	7,6	○0①23456●8910	○①2345●789
12	17118149	Phạm Nguyễn Minh	Tiến	DH17CKC				10	7	7,6	○0①23456●8910	○①2345●789
13	17118152	Lâm Gia	Tuấn	DH17CKC				8	6,5	6,8	○0①2345●78910	○①234567●9
14	17118150	Nguyễn Thái	Vĩ	DH17CKC				10	8	8,4	○0①234567●910	○①23●56789



Mã nhận dạng 02172

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn Thi Truyền nhiệt(207433) Số Tín Ch 2
Nhóm Thi DH17CKC_01 Tổ Thi 001_DH17CKC_01 Tên CBGD Lê Anh Đức
Ngày Thi 28/12/2019 Giờ Thi 07:30 Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 17. Số sinh viên vắng ...2...

Ngày 03 Tháng 01 Năm 2020

Cán bộ coi thi 1

Phạm Minh Hiền

Cán bộ coi thi 2

Lê Khắc Quý

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

TS. Bùi Ngọc Hùng

Cán Bộ Chấm Thi 1

Lê Anh Đức

Cán Bộ Chấm Thi 2



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137001	Nguyễn Duy An	DH19NL						8	0012345678910	0123456789
2	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
3	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL						8	0012345678910	0123456789
4	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
5	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL						8	0012345678910	0123456789
6	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
7	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
8	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
9	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
10	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
11	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
12	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
13	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
14	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
15	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
16	19137022	Phạm Văn Trí Hùng	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
17	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL						9	0012345678910	0123456789
18	19137026	Nguyễn Phúc Gia Huy	DH19NL						9	0012345678910	0123456789

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL						7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19137035	Vũ Đăng Khoa	DH19NL						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	19137038	Phạm Đình Khôi	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	19137045	Nguyễn Ngọc Hoàng Ngọc	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19137047	Đào Thành Nhân	DH19NL						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL						g	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
37	19137049	Đỗ Minh Phát	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
38	19137050	Trần Hoàng Phi	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
39	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
40	19137053	Nguyễn Nhật	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
41	19137051	Phạm Trung	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
42	19137054	Huỳnh Thị Ngọc	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
43	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
44	19137056	Trần Nguyễn	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
45	19137057	Thái Đức	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
46	19137058	Cao Tấn	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
47	19137060	Hoàng Nhân	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
48	19137059	Hồ Anh	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
49	19137061	Lương Ngọc	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
50	19137062	Nguyễn Đăng	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
51	19137063	Võ Nhật	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
52	19137066	Châu Văn	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
53	19137068	Huỳnh Chí	DH19NL						g	0012345678910	0123456789
54	19137069	Nguyễn Công	DH19NL						g	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2019 - 2020

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành nhiệt lạnh (207435) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Hào (057)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
56	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
57	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
58	19137074	Nguyễn Văn Tĩnh	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
59	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
60	19137076	Phạm Ngọc Toàn	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
61	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
62	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789
63	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL						g	○○○12345678●10	●123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

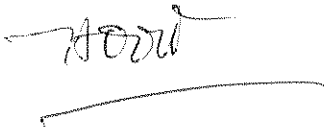
Cán bộ coi thi 1

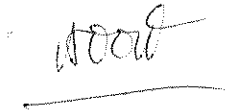
Cán bộ coi thi 2

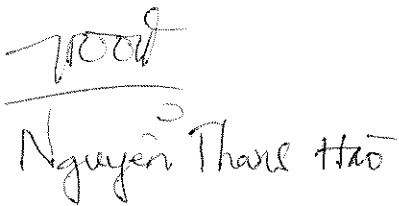
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2






Nguyễn Thanh Hào